

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
MÃ CHỨNG KHOÁN: CMV

CAMEX

Luôn luôn đồng hành, luôn luôn chia sẻ

BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2010

CTY TN CAMAU

Trụ sở chính:

Địa chỉ : 70- 72 Đê Thám, Phường 2, TP. Cà Mau

Điện thoại : 0780.3839220- 3838282

Fax : 0780.3834358- 3836893

Email : info@tncm.com.vn

Website : www.tncm.com.vn

MỤC LỤC

Trang

| | |
|--|----|
| ↻ Thông điệp của Hội đồng quản trị | 3 |
| ↻ Lịch sử hình thành công ty | 5 |
| ↻ Vị thế của công ty trong ngành | 8 |
| ↻ Triển vọng phát triển của ngành | 9 |
| ↻ Mục tiêu, định hướng phát triển | 15 |
| ↻ Sơ đồ tổ chức, quản lý | 17 |
| ↻ Thành phần Ban Quản trị | 21 |
| ↻ Báo cáo Hội đồng quản trị | 30 |
| ↻ Báo cáo Ban Tổng giám Đốc | 38 |
| ↻ Báo Cáo Ban Kiểm Soát | 48 |
| ↻ Công ty con và công ty liên kết | 51 |
| ↻ Cơ cấu tổ chức nhân sự | 54 |
| ↻ Thông tin cổ đông và quản trị công ty | 58 |
| ↻ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã kiểm toán | 61 |

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

Năm 2010 là một năm đặc biệt quan trọng tạo dấu ấn mới trong sự hình thành và phát triển của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau hơn 30 năm qua với sự kiện ngày 21/06/2010 là ngày niêm yết chính thức cổ phiếu Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (**CMV**) trên Sàn Giao dịch chứng khoán Việt Nam (Sở Giao dịch TP. Hồ Chí Minh). Đây là ước mơ và hoài bão của hơn 500 CB.NLĐ Công ty trong nhiều năm qua, vị trí từ một doanh nghiệp Nhà nước cấp 3 ở một tỉnh cuối cùng của đất nước, kinh doanh trong lĩnh vực nội thương mại trải qua biết bao thăng trầm nhưng với truyền thống đoàn kết, chung sức chung lòng, luôn xác định kinh doanh chữ **“Tín”** là hàng đầu với tình hình tài chính minh bạch, trung thực, rõ ràng, công khai nên nhiều năm liền luôn hoàn thành kế hoạch, năm sau cao hơn năm trước. Nhất là từ khi cổ phần hóa ngày 01/12/2007 đến nay, năm 2010 vẫn là một năm đầy khó khăn và biến động nhưng với truyền thống Công ty, sự ủng hộ của các nhà đầu tư, sự tín nhiệm của quý cổ đông năm 2010 Công ty đã đạt được kết quả khả quan vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra ngày 09/04/2010 với doanh thu 3.588 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 41,537 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế 31,5 tỷ đồng, EPS 3.232 đồng, dự kiến chi cổ tức năm 2010 là 22% đạt và vượt kế hoạch bình quân 15%.

Năm 2011 tiếp tục là một năm đầy những thách thức và bất trắc trong tình hình thế giới nhiều biến động và bất ổn. Trong nước giá cả luôn biến động tăng, tại Công ty sự thoái vốn của SCIC về cho PV Oil tăng tỷ lệ sở hữu của PV Oil từ 14,34% lên 42,6%. Đây là một sự thuận lợi cho sự phát triển của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau những năm về sau.

Tiếp tục giữ vững và phát triển hệ thống và phương thức kinh doanh hiện có, đầu tư theo sự định hướng của Nhà nước về hệ thống xăng dầu, mỗi năm phân đầu xây dựng tối thiểu một cửa hàng xăng dầu, bách hóa. Tiếp tục phát triển hệ thống bán buôn và bán lẻ đi vào chiều sâu và có những chiến lược, kế hoạch cụ thể vì năm 2011 tại thị trường Cà Mau sẽ xuất hiện hai nhà phân phối lớn đó là Coop-Mart và Metro. Tận dụng và phát huy tối đa thị trường “ngách” những nơi vùng sâu, vùng xa, căn cứ cách mạng.

Được sự ủng hộ của địa phương và các cơ quan ban ngành các cấp cùng uy tín của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau trên thị trường Cà Mau và các tỉnh lân cận, tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực bất động sản với phương châm **“Liệu cơm gắp mắm”** phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và doanh nghiệp. Từng bước đi cẩn thận và chắc chắn trên cơ sở an toàn và hiệu quả. **Đảm bảo đúng quan điểm tài chính sạch, trung thực, minh bạch, công khai rõ ràng. Đảm bảo đời sống của người lao động, lợi ích của các cổ đông, các nhà đầu tư ngày càng hiệu quả cao.**

Năm 2011 là năm thật sự khó khăn nhưng với sự ủng hộ và tín nhiệm của quý nhà đầu tư, quý cổ đông, các đối tác và sự đóng góp của hơn 500 CB.NLĐ Công ty. HĐQT vững tin rằng chúng ta sẽ tiếp tục đạt và vượt kế hoạch năm 2011.

Một lần nữa thay mặt HĐQT chúng tôi xin chân thành cảm ơn và mong sự đồng hành, đóng góp nhiều hơn nữa từ phía các nhà đầu tư, quý cổ đông, các đối tác, người lao động để thương hiệu Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau **(CMV)** ngày càng bền vững trên thị trường.

Kính chúc quý cổ đông cùng gia đình năm 2011 luôn dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, công việc kinh doanh ngày càng phát triển và thịnh vượng.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau trước đây là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau được thành lập từ những năm 1980. Hoạt động kinh doanh giai đoạn này gặp nhiều khó khăn do chủ yếu thực hiện theo chỉ tiêu kế hoạch của cấp trên giao kể cả về chủ trương chính sách bán hàng, hàng hóa, phạm vi địa bàn hoạt động... Từ năm 1987 – 1996, Công ty tiếp nhận thêm 05 doanh nghiệp nhà nước gồm: Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (4/1987), Công ty Xuất Nhập khẩu thị xã Cà Mau (2/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống thị xã Cà Mau (4/1990), Công ty Vật tư tổng hợp thị xã Cà Mau (8/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh Truyền hình Minh Hải (6/1996).

Ngày 10/10/1992, được sự đồng ý của Nhà nước, căn cứ vào quyết định 142/QĐ-UB của UBND tỉnh Minh Hải (nay là tỉnh Cà Mau), Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập, với nguồn vốn ban đầu là 2,51 tỷ đồng (trong đó, vốn cố định 1,16 tỷ, vốn lưu động 1,35 tỷ). Sau khi được tái thành lập mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự quyết tâm và nhiều giải pháp đồng bộ, Công ty đã từng bước củng cố, kiện toàn và đã đạt được những bước phát triển ổn định, năm sau cao hơn năm trước. Cuối năm 1996, sau khi chia tách tỉnh Minh Hải thành hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu, Công ty chuyển thành doanh nghiệp nhà nước trực thuộc tỉnh Cà Mau. Giai đoạn này, doanh thu của Công ty hàng năm đều tăng, chỉ tiêu kinh doanh, nộp Ngân sách do UBND tỉnh giao hàng năm đều đạt được và vượt kế hoạch, hệ thống mạng lưới kinh doanh, mạng lưới đại lý bán lẻ được hình thành ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau và các tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng; cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển phục vụ kinh doanh tương đối hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

Năm 2007, thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 06/02/2007 về việc cổ phần hóa Công ty Thương Nghiệp Cà Mau. Ngày 14/09/2007, phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo quyết định số 637/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau. **Ngày 28/11/2007, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CAMEX).** Ngày 01/12/2007, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau chính thức đi vào hoạt động theo giấy Chứng Nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 với vốn điều lệ là 70 tỷ VNĐ.

Trong suốt quá trình hoạt động, với sự nỗ lực phấn đấu vươn lên không ngừng của tập thể CBCNV, đặc biệt là những năm đầu sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đã được các cấp lãnh đạo của tỉnh, Nhà nước ghi nhận và tặng thưởng nhiều danh hiệu, khen thưởng liên tục nhiều năm liền:

- **Huân chương lao động hạng nhì năm 1999.**
- **Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới (1989-1999) năm 2000.**
- **Được xếp hạng Doanh nghiệp Nhà nước hạng I năm 2006.**
- **Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.**
- **Liên tục trong các năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.**
- **Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam), 2009 và năm 2010 (Top 100)**
- **Được xếp hạng trong bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2008, 2009 và năm 2010 do Công ty cổ phần Báo Cáo Việt Nam (VN Report) phối hợp với Vietnamnet thực hiện.**
- **Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2009.**
- **Các bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau về các thành tích xuất sắc trong các công tác xã hội, như công tác vận động quỹ “Đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa”, đóng góp ủng hộ quỹ “Vì người nghèo”....**

Quá trình tăng vốn

| Năm phát hành | Các lần tăng vốn | VĐL tăng thêm (Đồng) | Vốn điều lệ lũy kế (đồng) | Hình thức tăng vốn |
|---------------|---------------------|----------------------|---------------------------|--|
| 2007 | Vốn điều lệ ban đầu | | 70.000.000.000 | |
| 2009 | Vốn điều lệ | 10.499.860.000 | 80.499.860.000 | Phát hành cổ phiếu thưởng 10% cho cổ đông hiện hữu và cho cán bộ CNV |
| 2010 | Vốn điều lệ | 15.293.520.000 | 95.793.380.000 | Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19% |

TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY

Số: 70-72 Đề Thám - Phường 2 - TP. Cà Mau



VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH

✚ Kinh doanh xăng dầu:

Hiện nay, mạng lưới kinh doanh bán lẻ xăng dầu của thị trường xăng dầu Cà Mau được chi phối bởi một số Doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau, Công ty xăng dầu Cà Mau thuộc Petrolimex, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Bạc Liêu, Công ty xuất nhập khẩu Đồng Tháp, Công ty liên doanh Petro Mekong. So với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu cùng địa bàn, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau có thể coi là một doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và có ảnh hưởng tới thị trường. Với 16 cây xăng rải rác khắp địa bàn tỉnh Cà Mau, Công ty là đơn vị có mạng lưới bán lẻ xăng dầu lớn thứ hai sau Công ty xăng dầu Cà Mau về thị phần tại Cà Mau, do đối thủ này có tiềm lực mạnh về tài chính và được sự hậu thuẫn của Petrolimex – là doanh nghiệp đầu môi đứng đầu cả nước hiện nay. Tuy nhiên, **về mảng bán buôn, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau là doanh nghiệp đứng đầu tỉnh về thị phần và doanh số bán ra**, với 30 năm trong ngành, Công ty đã tạo dựng được mối quan hệ làm ăn lâu dài với các đại lý và các khách hàng công nghiệp. Đây cũng chính là mảng chủ lực của Công ty, và sẽ được chú ý tiếp tục phát triển trong tương lai.

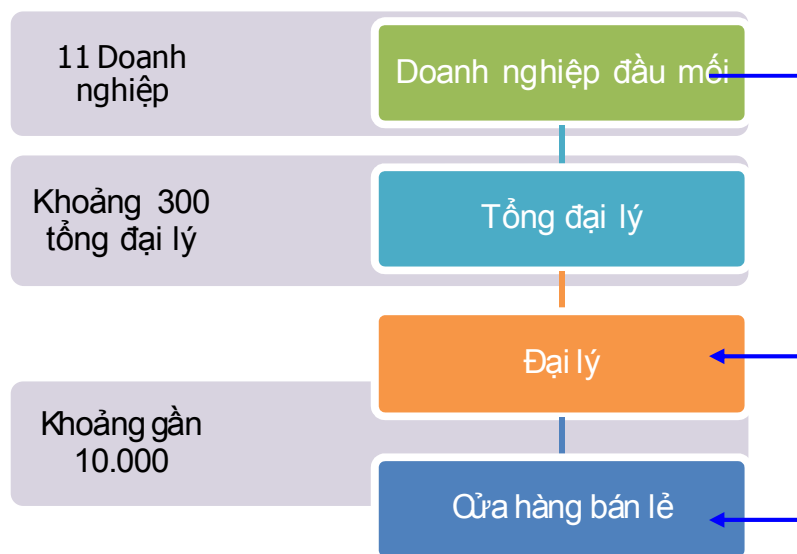
✚ Lĩnh vực bách hóa:

Thị trường bách hóa Cà Mau hiện nay chủ yếu là các cửa hàng tạp hóa nhỏ lẻ của các đơn vị tư nhân và hộ gia đình, chỉ có khoảng 3 công ty chính thức hoạt động trong lĩnh vực này: CTCP Thương Nghiệp Bạc Liêu với 2 điểm bán lẻ, Công ty Nông sản Cà Mau với 2 cửa hàng. Xuất phát từ 1 cửa hàng bách hóa tổng hợp, **Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau được coi là Công ty đi đầu thị trường trong lĩnh vực này**. Với mô hình hiện đại và tiện dụng cùng hệ thống tự chọn lên tới 22 cửa hàng, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau **chiếm khoảng 50% thị phần bán lẻ bách hóa tại địa bàn tỉnh**. Cuối năm 2008, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí đã xây dựng trung tâm thương mại Cửu Long trên diện tích 9,07 ha – được kì vọng sẽ là trung tâm thương mại lớn nhất ở Cà Mau, vào khoảng quý II năm 2011, Coopmart sẽ tiếp tục khai trương siêu thị tại phường 5, TP. Cà Mau, và đây sẽ là đối thủ cạnh tranh lớn của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau trong tương lai. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau cũng đang có **kế hoạch xây dựng khu trung tâm thương mại Licogi bao gồm cụm các cơ sở vật chất như Nhà hàng, khách sạn, siêu thị, nhà sách**, dự báo sẽ khai thác được tiềm năng của thị trường, tạo nên giá trị gia tăng và thế mạnh của Công ty.

TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH

Tổng quan thị trường xăng dầu:

Là mặt hàng chiến lược, thị trường xăng dầu Việt Nam hiện nay đang được sự quan tâm rất lớn của Nhà nước và cả người tiêu dùng. Tỷ lệ bán lẻ xăng dầu hiện nay chiếm 50 – 60%, so với con số 10% của những năm trước 2000, do đó sự biến động trong giá cả xăng dầu đã trở thành mối quan tâm lớn của công luận. Cơ cấu của hệ thống kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam có thể hiểu qua sơ đồ sau:



Hệ thống kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam

Hiện nay đang có 11 doanh nghiệp đầu mối (trong đó có 9 doanh nghiệp Nhà nước) được phép nhập khẩu xăng dầu, sau đó đưa xăng dầu tới tay người tiêu dùng thông qua các Tổng đại lý hoặc trực tiếp qua hệ thống phân phối bao gồm gần 10.000 đại lý và cửa hàng xăng dầu trên phạm vi cả nước, trong đó, có trên 8.000 cửa hàng thuộc của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, và 2.000 cửa hàng của các doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu. Hiện nay, ngoài Petrolimex VN và Saigon Petro đã có hệ thống đại lý trực tiếp, hầu hết các doanh nghiệp còn lại chủ yếu bán hàng thông qua những TĐL. Petrolimex, với việc tự chủ được hơn 6.000 cây xăng, trong đó 1.720 cây xăng thuộc chủ sở hữu, nắm giữ 57% thị phần, 10 doanh nghiệp đầu mối chia nhau 43% thị phần còn lại. Đây được nhận định là nguyên nhân cơ bản

khiến cho lĩnh vực xăng dầu Việt Nam đến nay vẫn chưa thể hoạt động theo cơ chế thị trường, do mọi tín hiệu điều chỉnh giá đều phải chờ vào động thái của Petrolimex.

Năm 2007, với sự ra đời của Nghị định 55, kinh doanh xăng dầu được cho là có tính đột phá: kinh doanh theo cơ chế thị trường, tuy nhiên, theo nhận định của nhiều chuyên gia, nghị định này chưa thực sự vận hành, đặc biệt là điều khoản giá. Do xăng dầu là mặt hàng chiến lược, có ảnh hưởng mạnh tới mọi mặt của kinh tế, Nhà nước vẫn phải can thiệp vào việc kinh doanh mà chủ yếu là can thiệp vào giá. Điều này đã đưa đến tình trạng gần 10.000 cửa hàng bán lẻ xăng dầu Việt Nam đều có chung một mức giá bán lẻ như nhau, dù giá vốn của các doanh nghiệp đầu mỗi khác nhau, lãi lỗ của từng doanh nghiệp cũng khác nhau. Đặt quá nhiều mục tiêu trong 1 lít xăng, trong khi chỉ áp dụng 1 biện pháp duy nhất là bù giá, đã làm giá xăng nội địa không theo kịp giá thế giới, bằng chứng là khi giá thế giới giảm sâu thì giá trong nước giảm nhỏ giọt. Doanh nghiệp vẫn chưa có thực quyền về xác định giá bán. Tuy nhiên, từ ngày 15/12/2009, Nghị định 84 quy định rõ doanh nghiệp được phép điều chỉnh giá bán khi yếu tố cấu thành giá thay đổi – nghĩa là nhà nước bỏ cơ chế ấn định giá - các chuyên gia vẫn còn ngờ vực về một thị trường xăng dầu cạnh tranh thực sự theo cơ chế thị trường, khi một doanh nghiệp vẫn đứng ở vị trí gần như độc quyền với 57% thị phần.

Triển vọng phát triển lĩnh vực kinh doanh xăng dầu:

Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, đáp ứng nhu cầu cho hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế như công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp và vận tải. Cho đến nay, vẫn chưa có một loại nhiên liệu nào có thể thay thế hữu hiệu cho nguồn năng lượng này, do đó, lượng sản phẩm bán ra không bị biến động nhiều dù giá cả bị ảnh hưởng bởi các nhân tố liên quan. Phát triển kinh doanh xăng dầu có mối quan hệ mật thiết với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Một nền kinh tế phát triển chắc chắn sẽ kéo theo nhu cầu sử dụng xăng dầu gia tăng.

Trung bình, cả nước mỗi tháng tiêu thụ khoảng 300.000 m³ xăng, tương đương khoảng 10 triệu lít/ ngày. Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước không ngừng tăng lên, từ 7.640 tấn năm 2000 lên 13,2 triệu tấn năm 2008, và cả năm 2009 sơ bộ khoảng 14 triệu tấn. Những con số này không đạt được theo dự báo của các bộ Kế hoạch đầu tư và Phát triển và bộ Công Nghiệp, do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng toàn cầu. Tuy nhiên, khi cuộc khủng hoảng đã đi qua, và là một nước đang phát triển, nhu cầu tiêu thụ sản phẩm xăng dầu tại Việt Nam sẽ tăng rất nhanh trong các giai đoạn sắp tới. Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển ngành dầu khí giai

đoạn 2006 – 2010 cũng chỉ ra rằng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu ở Việt Nam trong giai đoạn này vào khoảng 8 -10%/ năm, 6 - 7%/năm từ năm 2011 - 2020 và khoảng 4 - 4,5%/năm từ năm 2021 – 2050.

Cách TPHCM 370 km, với hệ thống giao thông thuận tiện và đang được chú ý đầu tư phát triển, Cà Mau có thể coi là 1 vùng kinh tế nhiều tiềm năng trong tương lai. Nằm trong vùng tứ giác được đầu tư phát triển của Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm Long Xuyên, Đồng Tháp Mười, Tây Sông Hậu và bán đảo Cà Mau, Nhà nước cũng như địa phương, tỉnh đang tích cực triển khai xây dựng những công trình đầu tư lớn như cảng hàng không Cà Mau, Quốc lộ 1A từ đất mũi Cà Mau, khu công nghiệp Khánh An, Năm Căn... và đặc biệt là khu liên hợp Khí - Điện - Đạm, với một nhà máy đạm công suất 800 ngàn tấn/ năm. Những công trình trọng điểm này đã tạo cho Cà Mau một diện mạo mới, mở ra cơ hội cho kinh tế Cà Mau phát triển, đồng thời, kéo theo nhu cầu sử dụng nguồn nhiên liệu, bao gồm cả xăng dầu, để vận hành nền kinh tế.

Với đặc thù là một miền sông nước với hệ thống sông ngòi dày đặc, phương tiện giao thông đường thủy là chính; tàu thuyền nhiều, các hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. Các yêu cầu về phục vụ cho sản xuất, vận chuyển, lưu thông hàng hóa, đi lại của nhân dân rất lớn. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, tiềm năng lớn để phát triển thủy hải sản, sản lượng nuôi trồng và khai thác thủy sản tăng lên đáng kể, cho phép phát triển thêm nhiều nhà máy chế biến thủy sản mới, đồng nghĩa với việc gia tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho ghe xuồng đánh bắt cá - đặc biệt là dầu DO. Lĩnh vực này trong 9 tháng qua đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực sau một thời gian khó khăn, xuất phát từ những chính sách ưu đãi của Nhà nước cũng như những tín hiệu đáng mừng từ các thị trường xuất khẩu trên thế giới như Nga, Nhật Bản...

CỬA HÀNG XĂNG DẦU ĐỊNH BÌNH
Quốc lộ 1A - Ấp Cây Trâm - Xã Định Bình - TP. Cà Mau



CỬA HÀNG XĂNG DẦU GÀNH HÀO
Ấp Lưu Hoa Thanh - Xã Tân Thuận - Huyện Đầm Dơi - Tỉnh Cà Mau



Triển vọng phát triển lĩnh vực kinh doanh bách hóa:

Với tốc độ tăng trưởng khả quan của nền kinh tế, thu nhập và đời sống của người dân dần được cải thiện, từ đó, nhu cầu tiêu dùng cũng tăng theo. Theo dự báo mới đây của Bộ Thương Mại, chi tiêu cho đời sống bình quân đầu người/tháng tại Việt Nam giai đoạn 2006 - 2010 sẽ tăng bình quân khoảng 10,57%/năm, trong đó khu vực thành thị tăng khoảng 10%, còn khu vực nông thôn tăng khoảng 11,25%/năm. Đến năm 2010, chi tiêu bình quân đầu người/tháng của cả nước đạt 657.800 đồng/người/tháng, trong đó khu vực thành thị đạt 1.054.700 đồng/người/tháng và khu vực nông thôn đạt 537.400 đồng/người/tháng. Hiện nay, phần lớn người tiêu dùng có thói quen mua các mặt hàng thực phẩm (nhất là thực phẩm tươi sống) tại các chợ, các hộ kinh doanh độc lập. Trong những năm tới, cùng với quá trình đô thị hoá, thu nhập của dân cư tăng, ý thức về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm tốt hơn nên xu hướng mua hàng tại các loại hình siêu thị, cửa hàng chuyên doanh tăng cao, với tốc độ dự kiến trên 150%/năm.

Tại thị trường Cà Mau, theo đánh giá sơ bộ của Tổng cục Thống kê, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2008 đạt 14.361,7 tỷ đồng, tăng 20% so với 2007 (11.965,9 tỷ) và tăng gần gấp đôi so với năm 2006 (9.629,6 tỷ). Tỉnh Cà Mau với hơn 1,2 triệu dân, trong đó dân số nông thôn chiếm 75% nên nhu cầu tiêu dùng còn rất lớn. Với triển vọng và tiềm năng phát triển kinh tế của Cà Mau sẽ kéo theo nhu cầu chi tiêu cho các mặt hàng tiêu dùng tại đây tăng cao. Một điển hình cho triển vọng phát triển của lĩnh vực bách hóa như phiên chợ “Hàng Việt về nông thôn” do Trung tâm Nghiên cứu kinh doanh và Hỗ trợ doanh nghiệp BSA phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Cà Mau diễn ra tại hai huyện Năm Căn, Cái Nước trong các ngày từ 30-10 đến 1-11 năm 2009, Huyện Trần Văn Thời và U Minh từ ngày 25-26 tháng 03 năm 2010 đã được đông đảo người dân nông thôn ủng hộ. Chỉ trong ngày đầu tiên, tổng doanh thu của 30 doanh nghiệp tham gia phiên chợ “Hàng Việt về nông thôn” tại huyện Năm Căn, Cà Mau đạt được gần 850 triệu đồng.

Tỷ lệ xuất khẩu hàng thủy hải sản tại Tỉnh Cà Mau đứng đầu cả nước. Nhất là năm 2010, người dân vừa được trúng vụ tôm lại gặp thời điểm giá thị trường đang tăng nên thu được lợi nhuận lớn, đã thúc đẩy sự mua sắm, trang bị của bà con nông ngư dân.

Việc khôi phục lại phương thức kinh doanh truyền thống kết hợp 01 vụ lúa, 01 vụ tôm đã tạo nên thu nhập ổn định cho người dân, từ đó góp phần gia tăng sức cầu cho thị trường hàng tiêu dùng.

CỬA HÀNG BÁCH HÓA TỰ CHỌN THỚI BÌNH
Khóm 1 - Thị trấn Thới Bình - Huyện Thới Bình - Tỉnh Cà mau



CỬA HÀNG BÁCH HÓA TỰ CHỌN PHƯỜNG 5
Số 45 - Trần Hưng Đạo - Khóm 4 - Phường 5 - TP. Cà Mau



MỤC TIÊU - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Với mục tiêu phát triển ổn định bền vững, tương xứng với vị thế và tiềm năng, nâng cao uy tín thương nghiệp của Công ty, mở rộng thị phần duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 15%-20%, đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư và cổ đông, nâng cao đời sống của người lao động.

- Trước mắt, Công ty vẫn tập trung vào thị trường Cà Mau, *với lĩnh vực xăng dầu, Công ty tiếp tục phát triển mảng bán buôn nhằm khai thác đặc thù của thị trường này, đồng thời nâng dần thị phần bán lẻ bằng cách mở rộng hệ thống các cửa hàng*, với mục tiêu mỗi năm mở thêm 1-2 cây xăng mới nằm trên các vị trí đắc địa, nhằm đáp ứng nhu cầu nhiên liệu ngày càng cao của tỉnh. Đối với kinh doanh bách hóa, Công ty đang mở rộng sang các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, khai thác tối đa tiềm năng của các tỉnh này.
- *Phấn đấu trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nội tiếng trên thị trường* ở tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu và Sóc Trăng
Phát huy lợi thế tối đa các ngành nghề khác để gia tăng lợi nhuận như: Kim khí điện máy, nông ngư cơ, vật liệu xây dựng, gia công chiết nạp gas...
- Xây dựng chiến lược phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu của công ty phù hợp với Đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh.
- Cùng với các ban ngành chức năng *xây dựng kế hoạch đầu tư khu đô thị mới Lạc Việt 36 ha thuộc xã An Xuyên, thành phố Cà Mau*. Kế hoạch này là một phần của quy hoạch phát triển thành phố Cà Mau, với mục tiêu xây dựng thành phố trở thành đô thị công nghiệp, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh Cà Mau với hơn 100 hạng mục công trình tính tới năm 2010.

KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2010 - 2012.

Bảng: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2012.

| Chỉ tiêu | Đơn vị | 2010 | 2011 | 2012 |
|-----------------------------|---------|-------|-------|-------|
| Vốn điều lệ | tỷ đồng | 83 | 95 | 120 |
| Doanh thu thuần | tỷ đồng | 2.800 | 3.800 | 4.500 |
| Lợi nhuận trước thuế | tỷ đồng | 36 | 40 | 48 |
| Lợi nhuận sau thuế | tỷ đồng | 27 | 30 | 36 |
| LN sau thuế/Doanh thu thuần | % | 0,96 | 0,78 | 0,80 |
| LN sau thuế /Vốn điều lệ | % | 32,53 | 33,33 | 30,00 |
| Cổ tức/mệnh giá | % | 22 | 18 | 18 |

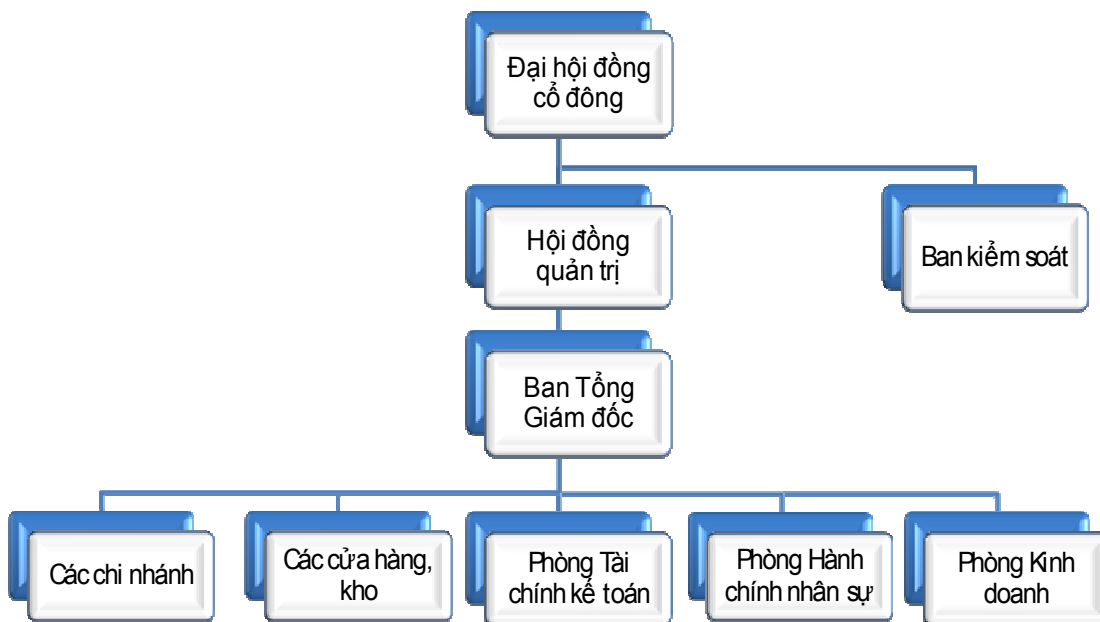
Cơ sở thực hiện kế hoạch:

- Với đà tăng trưởng của kinh tế trong nước và trên địa bàn tỉnh nói riêng, nhu cầu về nhiên liệu trong các năm tới tại Cà Mau chắc chắn sẽ còn tăng cao. Bên cạnh đó, ngành thủy sản những năm tiếp theo đang có dấu hiệu khởi sắc, do đó, mảng bán buôn xăng dầu sẽ còn tiếp tục tăng. Với ***mục tiêu mỗi năm xây dựng ít nhất 1-2 cửa hàng, việc mở rộng hệ thống bán lẻ sẽ đem về doanh thu cao hơn cho Công ty.***
- Kinh tế Cà Mau đang trên đà phát triển do được sự quan tâm của Nhà nước và chính quyền các cấp, từ đó tạo điều kiện nâng cao đời sống của người dân. Đây là triển vọng rất tốt cho lĩnh vực kinh doanh bách hóa của Công ty, đồng thời cũng là cơ hội cho ***Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau phát triển các lĩnh vực khác như văn phòng phẩm, các mặt hàng điện máy, xe máy...***
- Việc công ty niêm yết thành công trên sàn giao dịch chứng khoán TPHCM (HOSE), làm cho việc huy động vốn trở nên dễ dàng hơn, giúp Công ty về tài chính để thực hiện các kế hoạch tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận như: xây dựng các cây xăng ở vị trí chiến lược, mở rộng mạng lưới bán lẻ...

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và 03 phòng ban, 02 đơn vị thành viên, 04 Chi nhánh và 44 Cửa hàng trực thuộc.
- Công ty có cơ cấu bộ máy quản lý theo đúng mô hình công ty cổ phần bao gồm:

Hình 1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



* Đại hội đồng Cổ đông:

Đại hội đồng Cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng Cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty, quyết định tổ chức lại và giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty. Và các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

✳ **Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của công ty, gồm 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Và các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

✳ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng Cổ đông, bao gồm 3 (ba) thành viên, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Và các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

✳ **Ban Tổng Giám Đốc:**

Ban Tổng giám đốc Công ty bao gồm 1 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc. Tổng giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành và quyết định cao nhất mọi hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc:

- Quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có Nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.
- Quyết định lương và các phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
- Tuyển dụng lao động.
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
- Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Nhiệm vụ chức năng các phòng ban:

▪ Phòng kinh doanh

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty các mặt công tác về quản lý điều hành kinh doanh, quan hệ với đối tác, khách hàng, mở rộng phát triển thị trường xây dựng kế hoạch và định hướng kinh doanh.
- Đề xuất chính sách về bán hàng, chính sách giá cho từng lĩnh vực, từng thị trường, từng thời điểm và tổ chức thực hiện khi được sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc.
- Tổ chức khai thác các nguồn hàng bảo đảm thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Soạn thảo các văn bản, hợp đồng kinh tế ký với các đối tác và theo dõi việc thực hiện hợp đồng, lưu trữ quản lý hợp đồng.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc vận chuyển hàng hóa, giao nhận hàng, quản lý hàng tồn kho,... Thực hiện việc tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Kiểm tra việc tổ chức hoạt động kinh doanh, việc thực hiện chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến hoạt động kinh doanh của các đơn vị, bộ phận trực thuộc kịp thời đề xuất xử lý giải quyết những vướng mắc trong quá trình kinh doanh tạo thuận lợi cho các đơn vị bộ phận hoạt động.

▪ Phòng Tài chính kế toán và tin học

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tổ chức bộ máy kế toán, điều hành hạch toán, quyết toán về hoạt động kinh doanh, quản lý vốn, nguồn vốn đúng quy định của pháp luật.
- Lập báo cáo kế toán, phân tích so sánh hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra kiểm soát, thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Theo dõi công nợ phải thu, phải trả phản ảnh kịp thời và quản lý tốt việc thu chi tiền mặt, tiền gửi, thanh toán nội bộ, thanh toán cho khách hàng.
- Kiểm tra kiểm soát chặt chẽ chứng từ hóa đơn phát sinh trong việc nhập, xuất, mua bán hàng hóa, công tác phí, giao dịch, vận chuyển, văn phòng phẩm, điện nước và các khoản phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh của toàn Công ty.
- Theo dõi các hợp đồng kinh tế đã ký với khách hàng, đối tác kịp thời thanh lý các hợp đồng đã thực hiện xong.
- Thực hiện quyết toán quý 6 tháng, 9 tháng, năm theo quy định.
- Có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị, bộ phận trực thuộc thực hiện nghiệp vụ công tác kế toán theo quy định và quản lý giám sát việc thực hiện.

- Thực hiện đúng nguyên tắc, quy định quản lý tài chính trong việc ghi chép phản ánh đầy đủ chính xác, trung thực, kịp thời toàn bộ tài sản, hàng hóa, vật tư, tiền vốn phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Lập kế hoạch tài chính, cân đối các nguồn vốn bảo đảm cho kế hoạch kinh doanh, sửa chữa, mua sắm phương tiện, xây dựng mở rộng mạng lưới của Công ty.
- Tổ chức kiểm kê theo định kỳ để đánh giá tài sản hàng hóa toàn Công ty và đề xuất xử lý những tồn tại phát sinh.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các đề án, dự án khả thi về xây dựng, sửa chữa, mua sắm tài sản, công cụ phục vụ kinh doanh theo đúng yêu cầu cần thiết, tiết kiệm, hiệu quả tránh gây thất thoát lãng phí.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc xây dựng chương trình quản lý và ứng dụng công nghệ-tin học phục vụ cho công tác quản lý, kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm quản lý các dữ liệu, quản lý lưu trữ hồ sơ kế toán, quyết toán, báo cáo theo quy định của pháp luật.

▪ **Phòng hành chính nhân sự:**

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về tuyển dụng, đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật; quản lý tổ chức cán bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ, bồi dưỡng nâng cao trình độ tay nghề cho NLĐ toàn Công ty.
- Thực hiện chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Theo dõi biến động tăng giảm lao động, nghiên cứu đề xuất việc tổ chức bộ máy các phòng và đơn vị trực thuộc.
- Quản lý, sử dụng chặt chẽ con dấu của Công ty, thực hiện cấp công lệnh, lệnh điều động phương tiện ghe, xe đi công tác, giấy nghỉ phép năm và các văn bản thông thường khác trong phạm vi trách nhiệm được sự ký duyệt của Ban Tổng Giám đốc hoặc sự ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty.
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, trật tự an ninh xã hội trong Công ty và các đơn vị trực thuộc.
- Quản lý việc thực hiện trong công việc chi phí văn phòng phẩm, phương tiện, dụng cụ làm việc đề xuất biện pháp thực hành tiết kiệm trong sử dụng.
- Thực hiện và tham gia công tác bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, phòng cháy chữa cháy và an toàn vệ sinh lao động.
- Hàng năm kết hợp với các phòng ban tham gia xây dựng xét duyệt đơn giá tiền lương cho đơn vị.

THÀNH PHẦN BAN QUẢN TRỊ

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- **Hội đồng quản trị Công ty:** Gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm kỳ 05 năm (2008-2012).

- Ngày 23/4/2009 ông Phù Chí Anh được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 bầu vào Hội đồng quản trị.

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm rất cao, đưa ra các quyết định đúng đắn vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Năm 2010 HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp (Trong đó 03 cuộc họp thường kỳ và 05 cuộc họp đột xuất) và đã thống nhất ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị với nội dung quyết định các mục tiêu, chiến lược thực hiện phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Thành phần HĐQT:**

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----|------------------------|------------|---------------|-----------------|
| 01 | Bà Nguyễn Thị Việt Anh | Chủ tịch | 28/11/2007 | |
| 02 | Ông Nguyễn Minh Trục | Thành viên | 28/11/2007 | |
| 03 | Ông Lê Xuân Trình | Thành viên | 28/11/2007 | |
| 04 | Ông Thái Trường An | Thành viên | 28/11/2007 | |
| 05 | Ông Phù Chí Anh | Thành viên | 23/04/2009 | |

- **Tóm tắt lý lịch HĐQT:**

a. Bà Nguyễn Thị Việt Anh:

- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : Ngày 01 tháng 12 năm 1956
- Nơi sinh : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Số 184 Ngô Quyền – K1 – P9 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : CQ: 0780. 3822772 ĐD: 0913. 893233
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế – Khoa Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 6/1975 đến tháng 8/1978 công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau.

+ Từ tháng 8/1978 đến tháng 11/1982 chuyển về Cửa hàng bách hoá tổng hợp thị xã Cà Mau làm Kế toán trưởng Cửa hàng.

+ Từ tháng 11/1982 thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc, Giám đốc Cty.

+ Từ 28/11/2007 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đến nay.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP In Bạc Liêu

+ Ủy viên HĐQT Công ty CP Cà Phê PETEC

- Số cổ phần nắm giữ: 279.798 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 490.076 cổ phần

Trong đó: + Chồng: Nguyễn Văn Hậu: 309.578 cổ phần

+ Em ruột: Nguyễn Việt Hùng: 95.753 cổ phần

+ Em ruột: Nguyễn Thị Việt Ngọc: 78.200 cổ phần

+ Em ruột: Nguyễn Việt Phụng: 6.545 cổ phần

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b. Ông Nguyễn Minh Trục:

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : Ngày 07 tháng 01 năm 1954

- Nơi sinh : Sơn Dương, Tuyên Quang

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Đại Đồng, Tiên Du, Bắc Ninh

- Địa chỉ thường trú: Số 63 Đào Duy Anh, P9, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

- Số điện thoại cơ quan: (84-8) 39303299 - 3903633

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy và thiết bị Dầu khí.

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 8/1977 - 3/1983: Cán bộ Tổng Công ty nhập khẩu Thiết bị toàn bộ – Bộ Ngoại Thương.

+ Từ tháng 4/1983 - 8/1983: Cán bộ Công ty nhập khẩu Thiết bị và Kỹ thuật Dầu khí – BNT.

+ Từ tháng 9/1983 - 6/1990: Đại diện Công ty NK Thiết bị và kỹ thuật Dầu khí tại Liên Xô (cũ).

+ Từ tháng 7/1990 - 9/1993: Trưởng phòng Công ty XNK Dầu khí Petechim – Bộ Ngoại Thương.

+ Từ tháng 10/1993 - 4/1998: Phó Giám đốc Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư PETEC.

+ Từ tháng 5/1998 đến nay: Giám đốc Công ty PETEC – Bộ Công Thương.

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bất Động Sản và Kỹ Thuật Xăng Dầu.

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cà phê PETEC.

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kho vận PETEC.

- Số cổ phần nắm giữ: 1.785 cổ phần

- Số cổ phần đại diện: 1.052.820 cổ phần (Nhà đầu tư chiến lược: Công ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư Petec)

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c. Ông Lê Xuân Trình:

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : Ngày 16 tháng 01 năm 1961

- Nơi sinh : Tỉnh Hưng Yên

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Tỉnh Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú: Số 91/18A1 đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: CQ: 08-39106990 ĐD: 0903. 800173

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư kinh tế, Kỹ sư Địa Vật lý.

- Quá trình công tác:

+ Từ tháng 12/2006 – 06/2008: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).

+ Từ tháng 07/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Dầu Việt Nam(PVOIL) kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) .

- Số cổ phần nắm giữ: 1.785 cổ phần
- Số cổ phần đại diện: 1.374.450 cổ phần (Nhà đầu tư chiến lược: Tổng Công ty Dầu Việt Nam- Công ty TNHH Một Thành Viên)
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

d. Ông Thái Trường An:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 12 tháng 10 năm 1970
- Nơi sinh : Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Khánh Hòa – Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Số 91 Nguyễn Du – Phường 5 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau.
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3839499 DD: 0913. 893491
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính-Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 09/1992 -> 10/1994 Kế toán Công ty Liên doanh Euro Gành Hào.
 - + Từ tháng 11/1994 -> 03/1997 Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 04/1997 -> 01/2007 Kế toán trưởng Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - +Từ 02/2007 -> 11/2007 Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ 28/11/2007 Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau đến nay.
- Số cổ phần nắm giữ: 99.186 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 4.671 cổ phần
 - Trong đó: - Vợ: Đặng Cẩm Lệ : 3.880 cổ phần
 - Em ruột: Thái Thị Thùy Trang : 791 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

e. Ông Phù Chí Anh:

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : Ngày 23 tháng 8 năm 1974
- Nơi sinh : TP. Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Hoa
- Quê quán : Tỉnh Ninh Thuận
- Địa chỉ thường trú: Số 165/16 Rạch Chùa – Phường 4 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3839220 ĐĐ: 0913. 699669
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 02/1998 -> 12/2001 Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
 - + Từ tháng 01/2002 -> 01/2007 Phó phòng Kinh tế-Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 02/2007 -> 11/2007 Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính-Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ 12/2007 đến nay Kế toán trưởng Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Ngày 23/4/2009 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2009 và được bầu vào Ủy viên HĐQT Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - + Ủy viên HĐQT Công ty CP In Bạc Liêu.
- Số cổ phần nắm giữ: 58.310 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 3.028 cổ phần
 - Trong đó: - Vợ: Quách Duy Tâm: 3.028 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

2. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:

- **Ban Tổng Giám đốc điều hành:** Có 03 thành viên, đứng đầu là Tổng Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực của Công ty trong năm qua.

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc:

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----|-------------------------|---------------|---------------|-----------------|
| 01 | Bà Nguyễn Thị Việt Ánh | Tổng Giám đốc | 28/12/2007 | |
| 02 | Ông Thái Trường An | Phó TGD | 28/12/2007 | |
| 03 | Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc | Phó TGD | 30/12/2009 | |

- Tóm tắt lý lịch Ban Tổng Giám đốc:

a. Tổng Giám đốc - Bà Nguyễn Thị Việt Ánh:

(Như điểm a phần 1)

b. Phó Tổng Giám đốc - Ông Thái Trường An:

(Như điểm d phần 1)

c. Phó Tổng Giám đốc - Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc:

- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : Ngày 19 tháng 05 năm 1971
- Nơi sinh : Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thị xã Cà Mau – Tỉnh Minh Hải
- Địa chỉ thường trú: Số 90A/58 Âu Dương Lân, P3, Q8, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: CQ: 0780. 3831072 ĐD: 0903. 662349
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Thương mại
- Quá trình công tác:
 - + Từ tháng 6/1994 đến tháng 3/1998 Nhân viên Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 4/1998 đến tháng 11/2002 Kế toán Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 12/2002 đến tháng 11/2004 Phó Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 12/2004 đến tháng 6/2008 Trưởng Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Cty CP Thương nghiệp Cà Mau.
 - + Từ tháng 7/2008 đến 12/2009 Trưởng Chi nhánh Cty tại TP. Hồ Chí Minh.

+ Từ tháng 01/2010 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.

- Số cổ phần nắm giữ: 78.200 cổ phần

- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 475.885 cổ phần

Trong đó: + Chị ruột : Nguyễn Thị Việt Ánh: 279.798 cổ phần

+ Anh ruột : Nguyễn Việt Hùng: 95.753 cổ phần

+ Chị ruột : Nguyễn Việt Phượng: 6.545 cổ phần

+ Chồng : Phan Tiên Dũng: 93.789 cổ phần

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. BAN KIỂM SOÁT:

- **Ban Kiểm soát:** Có 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- **Các thành viên Ban Kiểm soát:**

| Stt | Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----|----------------------|------------|---------------|-----------------|
| 01 | Ông Trần Chí Hiếu | Trưởng ban | 28/11/2007 | |
| 02 | Ông Tô Hiếu Thuận | Thành viên | 28/11/2007 | |
| 03 | Ông Nguyễn Công Bằng | Thành viên | 28/11/2007 | |

- **Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm soát**

a. Ông Trần Chí Hiếu:

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : Ngày 05 tháng 7 năm 1962

- Nơi sinh : Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Xã An Xuyên – Thành phố Cà Mau – Tỉnh Cà Mau

- Địa chỉ thường trú: 219 Lý Thường Kiệt – Phường 6 – TP. Cà Mau – Tỉnh Cà Mau

- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0780. 2241101 DD: 0913. 893498

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính-Kế toán

- Quá trình công tác:

- + Từ tháng 09/1981 -> 04/1997 giữ các chức vụ: Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
- + Từ tháng 05/1997 -> 11/2007 Phó Giám đốc Cty Thương nghiệp Cà Mau.
- + Từ tháng 12/2007 đến nay giữ các chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau, Giám đốc Cty TNHH một thành viên Bách Việt.

- Số cổ phần nắm giữ: 55.406 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b. Ông Tô Hiếu Thuận:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 13 tháng 08 năm 1971
- Nơi sinh : Quận Nhì – Sài Gòn (TP. Hồ Chí Minh)
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: 343/40A Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên lạc: DD: 0913.700777 – 0916.987777
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế – Quản trị kinh doanh trường Lincoln University-USA.
- Quá trình công tác:
 - + Từ ngày 01/12/2000 – 30/9/2002: Nhân viên môi giới Công ty CK Công thương – CN TP. Hồ Chí Minh (IBS/HCM).
 - + Từ ngày 01/10/2002 – 28/02/2003: Trưởng phòng môi giới Cty IBS/HCM.
 - + Từ ngày 01/3/2003 – 30/6/2004: Phó Trưởng phòng Kinh doanh Công ty IBS/HCM.
 - + Từ ngày 01/7/2004 – 31/01/2007: Trưởng phòng Kinh doanh – Tư vấn CK của Công ty IBS/HCM.
 - + Từ ngày 01/02/2007 – 28/02/2009: Phó Giám đốc CN Công ty CK Công thương IBS/HCM.
 - + Từ ngày: 01/03/2009 đến nay: Phó TGD kiêm Giám đốc CN TP. HCM Công ty CP Chứng khoán VNS.
- Số cổ phần nắm giữ: 952 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c. Ông Nguyễn Công Bằng:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 18 tháng 10 năm 1981
- Nơi sinh : Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Khánh Hưng, Huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mau.
- Địa chỉ thường trú: Khóm 6, Phường 9, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.
- Số điện thoại: CQ: (0780) 3828045
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 - + Từ năm 2003 – 2005: Giảng viên Trường Trung học Kinh tế-Kỹ thuật Cà Mau.
 - + Từ năm 2006 đến nay: Tổ phó tổ Kế toán Trường Trung học Kinh tế-Kỹ thuật Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 2.261 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: 952 cổ phần
Trong đó: Vợ Nguyễn Ngọc Diệp: 952 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. THÙ LAO HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, năm 2010 Công ty đã chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát là: 372.000.000 đồng

- Tổng thù lao chi cho HĐQT : 252.000.000 đồng
- Tổng thù lao chi cho Ban Kiểm soát : 96.000.000 đồng
- Tổng thù lao chi cho Thư ký HĐQT : 24.000.000 đồng

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. NHỮNG NÉT NỔI BẬT CỦA KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

- Tổng tài sản tăng từ 353,844 tỷ đồng lên 417,630 tỷ đồng **tăng 18% so với năm 2009.**

- Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác đạt: 3.588 tỷ đồng **tăng 24% so với năm 2009, vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2010 là: 28%.**

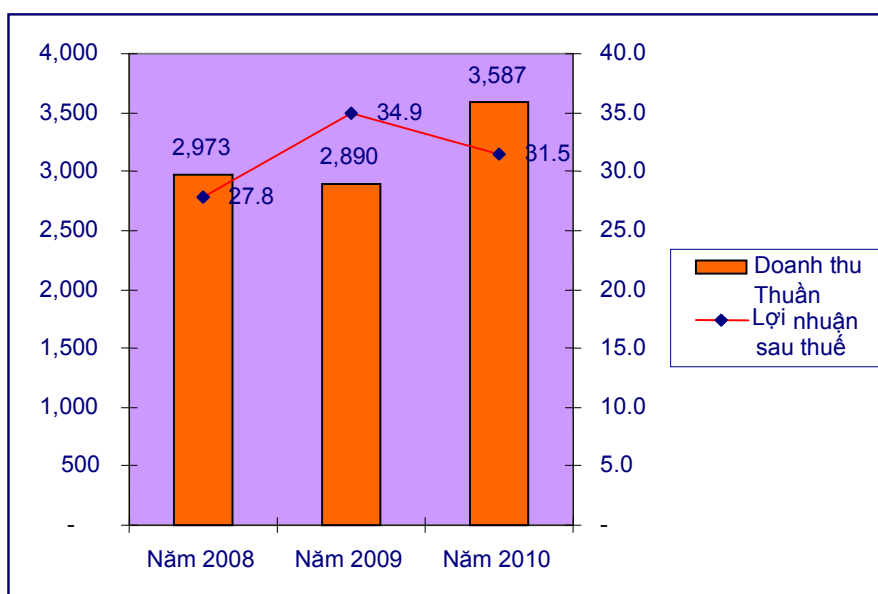
- Lợi nhuận trước thuế đạt: 41,537 tỷ đồng giảm 11% so với năm 2009, vượt chỉ tiêu kế hoạch là: 15,4%.

- Lợi nhuận sau thuế đạt: 31,5 tỷ đồng giảm 10% so với năm 2009, vượt kế hoạch 16,7%.

Như vậy trong năm 2010, Công ty tiếp tục vươn lên và đạt được kết quả phấn khởi về hiệu quả sản xuất kinh doanh, khẳng định xu thế phát triển bền vững của mình trong tương lai.

Ngày 21/06/2010, sau nhiều nỗ lực không mệt mỏi, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã thực hiện lời hứa với cổ đông là đưa cổ phiếu Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau niêm yết chính thức trên Sàn giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE) với mã chứng khoán là CMV và giá niêm yết là 30.000 đồng. Sự kiện này được xem là một bước ngoặt quan trọng đánh dấu sự vươn lên một cách mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh doanh thương mại nói riêng và thị trường kinh doanh cả nước nói chung. Từ đây *Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau đã được biết đến như một thương hiệu lớn có uy tín, xứng đáng là nơi gửi gắm niềm tin của cổ đông và các nhà đầu tư.*

Biểu đồ kết quả kinh doanh qua các năm 2008-2010



2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SO VỚI CHIẾN LƯỢC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN :

Theo định hướng chiến lược *mỗi năm Công ty sẽ xây dựng thêm từ 01-03 cửa hàng mở rộng mạng lưới kinh doanh phủ xuống các huyện trong Tỉnh Cà Mau* và các địa bàn trọng điểm ở 03 Tỉnh bạn: Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang. Thực tế từ sau khi cổ phần hóa mạng lưới kinh doanh của công ty phát triển không ngừng với 08 cửa hàng mới được xây dựng từ năm 2008 đến nay. Theo đó doanh thu của Camex cũng không ngừng phát triển, vị thế của công ty ngày càng được củng cố, trở thành một thương hiệu lớn được đông đảo người tiêu dùng, nhà đầu tư trong nước quan tâm, biết đến.

Nâng cao tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, kịp thời trong công bố thông tin tạo điều kiện cho cổ đông và nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát mọi diễn biến về tình hình hoạt động của công ty.

Thực hiện tốt các quy định về quản lý thuế, nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước cũng như chuẩn mực về kế toán Việt Nam hiện hành. Tích cực ủng hộ các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, ủng hộ đồng bào gặp thiên tai lũ lụt.

Hoạt động của các công ty con sau một năm đã đi vào ổn định về tổ chức, cơ chế quản lý, điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao hơn so với các năm trước đây, nhờ tận dụng được lợi thế sẵn có kết hợp với những thế mạnh bổ trợ từ công ty mẹ.

Với chính sách trẻ hóa đội ngũ lao động, từ sau cổ phần hóa công ty đã mạnh dạn sử dụng, bổ nhiệm những lao động trẻ có trình độ và năng lực vào những vị trí điều hành thay thế cho những người cũ không còn thích nghi với điều kiện mới, cơ cấu lại lao động ở từng bộ phận. Từ đó đã từng bước phát huy được hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, *hiệu suất lao động được nâng cao, doanh thu và lợi nhuận cũng tăng trưởng vượt bậc so với trước cổ phần hóa.*

* Công tác tổ chức:

Xác định ***“con người”*** vốn là nhân tố quyết định nên HĐQT luôn quan tâm chỉ đạo sắp xếp tinh gọn hiệu quả trên cơ sở cán bộ, người lao động có đạo đức, có năng lực, giỏi nghiệp vụ, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc. Tuy nhiên với điều kiện thực tế tại địa phương, với chính sách đào tạo nghiệp vụ tại địa phương những sinh viên hầu như không đạt ở các kỳ thi đại học quốc gia nên khi vào trường địa phương trình độ và nghiệp vụ không đáp ứng với công việc và không tương xứng với bằng cấp chứng nhận. Và một số lao động thực dụng qua quá trình làm việc thực tế, tích lũy kinh nghiệm tại Công ty lại chuyển sang các ngành khác như ngân hàng, các công ty liên doanh có thu nhập cao hơn và áp lực công việc nhẹ nhàng hơn (Công ty vẫn hoạt động cả ngày Thứ bảy, Chủ nhật và các ngày lễ nghỉ). Chính vì vậy công tác nhân sự năm 2010 vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thể hiện:

**** Về lao động:***

| | |
|---|----------------------|
| - Tổng số lao động đầu năm | : 491 người (153 nữ) |
| Trong năm: + Tuyển dụng | : 163 người |
| + Nghi việc (sa thải, chấm dứt HĐLĐ) | : 99 người |
| - Tổng số lao động có đến ngày 31/12/2010 | : 555 người (160 nữ) |
| Trong đó: + Ban TGD | : 03 người (02 nữ) |

| | | |
|-----------------------------|---|--------------------|
| + Trưởng-Phó phòng | : | 05 người (02 nữ) |
| + Trưởng-Phó Chi nhánh, CH: | | 42 người (16 nữ) |
| + Công nhân – NLD | : | 505 người (140 nữ) |

*** Công tác quản lý sản xuất kinh doanh:**

Do đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty với nhiều ngành hàng, nhóm hàng. Hệ thống cửa hàng kinh doanh phân tán cả trong và ngoài Tỉnh. Phương thức bán hàng linh hoạt phục vụ nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng đường thủy lẫn đường bộ: Bán hàng tự chọn, bán trả góp, bán buôn, bán lẻ..., và đây là thế mạnh tạo nên thương hiệu Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Để quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh của các đơn vị, các bộ phận đồng thời phát huy tính chủ động và trách nhiệm của từng lãnh đạo và người lao động HĐQT đã chỉ đạo xây dựng quy chế quản lý riêng cho từng khu vực, từng lĩnh vực, từng ngành hàng. Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp quản lý, chế độ báo cáo thông qua hệ thống công nghệ phần mềm ứng dụng cho công tác quản trị kinh doanh, kết nối báo cáo các đơn vị trực thuộc về văn phòng Công ty. Vì vậy công tác quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh luôn thông suốt và kịp thời.

*** Công tác quản lý tài chính:**

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo tiếp tục cập nhật và hoàn thiện quy chế làm việc, quy định chức năng nhiệm vụ của từng người, từng lĩnh vực, loại hình hoạt động và nhất là những năm 2008, 2009, 2010 tình hình hoạt động kinh doanh ngày càng khó khăn nên phương châm của HĐQT là xem xét để điều chỉnh giảm chi phí một cách hợp lý nhất thông qua các hình thức sắp xếp kho, sắp xếp các tuyến để đủ tải, giao hàng tay ba không qua kho... Quy định lại định mức chi phí công tác, nhiên liệu của phương tiện, công cụ phục vụ kinh doanh. Sử dụng điện, điện thoại, nước một cách tiết kiệm nhất và luôn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định hướng dẫn hiện hành, đảm bảo việc hạch toán số liệu luôn trung thực, đầy đủ, minh bạch, rõ ràng, chính xác, kịp thời đúng với chế độ nguyên tắc.

*** Công tác quản lý đầu tư:**

Năm 2010 Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng mở rộng, phát triển mạng lưới kinh doanh với tổng trị giá 12.588.688.000 đồng:

1- Xây dựng Cửa hàng Xăng dầu Tắc Thủ cấp I. Diện tích chung 3.850 m², diện tích sử dụng 1.697,9 m² với tổng trị giá xây dựng là 2.428.621.000 đồng.

2- Mua Văn phòng làm việc ở Hộ Phòng diện tích đất 99,7 m², diện tích sử dụng 270 m² với tổng trị giá là 950.000.000 đồng.

3- Xây dựng kho bách hóa ở Hộ Phòng (Bạc Liêu) diện tích sử dụng 874 m², giá trị quyền sử dụng đất 2.710.340.000 đồng và phần xây dựng là 1.155.871.000 (khung tiền ché).

4- Xây dựng tiếp phần 2 Trung tâm phân phối hàng tiêu dùng diện tích 1.296 m² với tổng trị giá 3.234.856.000 (xây dựng tiêu chuẩn cấp I).

5- Xây dựng Tổng kho Trà Kha (Bạc Liêu) với diện tích 1.625 m² với tổng trị giá 2.100.000.000 đồng.

CỬA HÀNG XĂNG DẦU TẮC THỦ
Áp Tắc Thủ - Xã Hồ Thị Kỷ - Huyện Thới Bình - Tỉnh Cà Mau



TRUNG TÂM PHÂN PHỐI HÀNG TIÊU DÙNG CÀ MAU-BẠC LIÊU
Đường H1 - Khu đô thị mới - Phường 1 - TP.Cà Mau



*** Xây dựng văn hóa doanh nghiệp:**

Hội đồng quản trị luôn chủ động và quan tâm xây dựng ý thức “**Văn minh thương nghiệp**” thông qua tạo nên bản sắc riêng của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau hình thành Văn hóa thương nghiệp qua xây dựng nội quy, quy chế, phong cách thái độ phục vụ, ứng xử giao tiếp trong nội bộ cũng như với các khách hàng, đối tác trong môi trường tôn trọng, thân thiện và đoàn kết.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp sửa chữa hệ thống cửa hàng, văn phòng khang trang lịch sự, trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ phù hợp với hoạt động kinh doanh. Hàng hóa ở các cửa hàng được trưng bày gọn gàng, niêm yết giá đầy đủ, đúng giá, đúng chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Nhà sản xuất và Nhà nước. Công ty nghiêm túc không tạo điều kiện cho hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại lọt vào hệ thống của Công ty. Chính vì vậy mà nhiều năm qua Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tiếp tục tạo được niềm tin và sự tín nhiệm cao của các đối tác, khách hàng, người tiêu dùng ở trong và ngoài tỉnh Cà Mau.

*** Hoạt động đoàn thể và cộng đồng:**

Ngoài việc chỉ đạo kinh doanh thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 09/04/2010 đúng theo quy định của pháp luật, HĐQT luôn nghiêm túc chấp hành tốt mọi chính sách của Đảng và Nhà nước quy định.

*** Hoạt động đoàn thể:**

Song song với việc đảm bảo hoạt động kinh doanh phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả, Hội đồng quản trị cũng như Ban Tổng giám đốc Công ty rất chú trọng hoạt động đoàn thể và xã hội. Năm qua, trong bối cảnh hoạt động kinh doanh còn nhiều khó khăn nhưng HĐQT, Ban Tổng Giám đốc luôn phối hợp và tạo điều kiện cho Đảng ủy, BCH Công đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, đặc biệt là thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp. Hoạt động đoàn thể công đoàn đã có nhiều chuyển biến tích cực, đi vào chiều sâu, có tác dụng tích cực đến người lao động tạo được sự gắn kết các bộ phận, người lao động trong Công ty. Một số hoạt động đã tạo chỗ dựa và niềm tin của người lao động như:

- Các chế độ chính sách của Nhà nước quy định đối với người lao động đều thực hiện đúng và đầy đủ như: Ký kết hợp đồng lao động; tiền lương, thưởng thực hiện đúng quy chế; BHXH, BHYT, đặc biệt là đã tham gia đóng Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định; chế độ thai sản, ốm đau, hiếu hỷ, sinh nhật, khám sức khỏe định kỳ...

- Tổ chức các hoạt động để người lao động tham gia như: Giải bóng đá mini chào mừng ngày thành lập Công đoàn, hội thao 26/3, thi hái hoa nhân ngày 08/3...

Năm 2010, Đảng bộ Công ty tiếp tục được công nhận “**Đảng bộ trong sạch vững mạnh**”, Công đoàn cơ sở và Đoàn thanh niên đạt vững mạnh nhiều năm liền.

*** Quan hệ cộng đồng:**

Chia sẻ với cộng đồng, kết hợp hài hòa giữa lợi ích Công ty và xã hội đó là tâm niệm của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau và người lao động. Trong năm 2010 tổng số tiền dành cho các hoạt động xã hội là **617.062.000** đồng, qua các hoạt động biểu hiện như:

- Vào ngày Tết cổ truyền đến **thăm và tặng quà Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh, Trung tâm bệnh tâm thần trị giá 21.000.000 đồng.**

- Chia sẻ khó khăn với đồng bào bị thiên tai, lũ lụt ở miền Trung và người nghèo ở địa phương. Cùng Báo Tiền Phong tặng 20.000 quyển tập trị giá 61.842.000 đồng cho học sinh nghèo miền Trung và ủng hộ quỹ Vì người nghèo, quỹ Đền ơn đáp nghĩa các huyện số tiền 116.650.000 đồng. Đồng thời **ủng hộ các xã nghèo ở TP. Cà Mau xây dựng 6 căn nhà tình thương và đại đoàn kết trị giá 165.000.000 đồng.**

- Quan tâm thể hệ trẻ: Đầu năm học 2010-2011, Công ty tổ chức **tặng tập cho học sinh nghèo, hiếu học ở 9 huyện thị trong tỉnh** với số lượng 90.000 quyển tập trị giá 181.405.000 đồng. Đồng thời đã tham gia trao tặng học bổng và quỹ khuyến học ở Trường THPT Hồ Thị Kỷ, Trường Tiểu học Nguyễn Tạo, quỹ Khuyến học phường 8, Trường Chuyên Phan Ngọc Hiền, **ủng hộ quỹ Khuyến học của tỉnh Cà Mau tổng số tiền 63.165.000 đồng.**

- Thực hiện Quyết định 494/QĐ-TU ngày 14/04/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phân công Công ty phụ trách xã nghèo Khánh Thuận huyện U Minh, **năm 2010 Công ty đã tặng 1.000 quyển tập, 60 cái cặp, 01 căn nhà tình thương tổng trị giá 35.000.000 đồng.**

- Bên cạnh đó, với những việc làm cụ thể, thiết thực nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và chia sẻ khó khăn với người lao động, thông qua tổ chức Công đoàn cơ sở Công ty đã giải quyết cho người lao động vay vốn ưu đãi từ nguồn quỹ của Công đoàn. Năm 2010, giải quyết cho trên 25 trường hợp người lao động vay vốn, số tiền 150 triệu đồng.

3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM:

1- Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ hai được tổ chức vào 8h sáng ngày 09/04/2010 tại Khách sạn Anh Nguyệt, phường 6, thành phố Cà Mau.

2- Hội nghị người lao động 8h sáng ngày 10/04/2010 tại Hội trường UBND tỉnh Cà Mau.

3- Đạt giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2010 (Top 100) do Hội Doanh nghiệp trẻ bình chọn.

4- Được xếp thứ 199 vào Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2010.

5- Ngày 29/06/2010 Công ty CP In Bạc Liêu trở thành Công ty con của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau với tỷ lệ nắm giữ 55,03%.

6- Ngày 21/06/2010 cổ phiếu CMV (Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau) chính thức niêm yết trên Sàn Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

7- Được Chính phủ tặng Cờ thi đua số 786/QĐ-TTg ngày 03/06/2010 với thành tích hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước năm 2009.

8- Được UBND Tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc số 434/QĐ-UBND ngày 19/03/2010.

9- Được UBND Tỉnh tặng Bằng khen số 77/QĐ-UBND ngày 20/01/2010 có thành tích xuất sắc trong công tác phong trào vận động lập quỹ Đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa.

10- Tổng Giám đốc đạt Cúp Bông hồng vàng năm 2010.

11- Tổng Giám đốc đạt 100 doanh nhân tiêu biểu năm 2010 (Cúp Thánh Gióng).

4. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI:

- **Thị trường chính của Công ty tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển**, đồng thời Công ty luôn hướng tới việc nâng cao sự khác biệt về giá trị, chất lượng, sản phẩm và dịch vụ.

- Tiếp tục thực hiện các dự án đã hình thành, triển khai mục tiêu **mở rộng sản xuất kinh doanh**, hướng kinh doanh **đa dạng ngành nghề** sao cho phù hợp với tình hình thực tế, mang lại hiệu quả cao trong đầu tư.

- Quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, để **doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và thu nhập của người lao động tăng trưởng ổn định**.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, từ cán bộ quản lý đến nhân viên nghiệp vụ, có chính sách phù hợp trong đào tạo và tuyển dụng để phát huy năng lực và sự gắn bó lâu dài của người lao động với Công ty.

4.1. Chỉ tiêu kinh doanh năm 2011:

DVT: Triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2011 |
|------------|------------------------------------|--------------------------|
| 01 | Tổng doanh thu | 3.800.000 |
| 02 | Tổng lợi nhuận trước thuế | 40.000 |
| 03 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.000 |
| 04 | Lợi nhuận sau thuế | 30.000 |
| 05 | Tỷ lệ trả cổ tức | 18% |
| 06 | Thu nhập bình quân NLĐ/người/tháng | 6,5 |

4.2. Kế hoạch đầu tư:

Các kế hoạch đầu tư, dự án được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua:

| Stt | Dự án | Diện tích | Tiến độ xây dựng | Đặc điểm | Tổng vốn đầu tư | Nguồn vốn |
|-----|--|--------------------|--|---|-------------------|-----------|
| 1 | Cửa hàng xăng dầu sông Đốc và Tổng kho chứa dầu DO | 500 m ³ | - Đã có thủ tục giao đất, dự kiến sang năm 2010 sẽ khởi công | | 5 tỷ | Vốn vay |
| 2 | Trung tâm thương mại Licogi | 2,2 ha | - Đã được ủy ban giao, đất đã được chuyển quyền sử dụng, nhưng chưa tiến hành cấp giấy phép. | - địa điểm tốt, cách trung tâm Cà Mau 2,5 km | Đang lập kế hoạch | |
| 3 | Khu đô thị mới Lạc Việt | 36 ha | - Đã được ủy ban giao, đất đã được chuyển quyền sử dụng, nhưng chưa tiến hành cấp giấy phép. | - vị trí đắc địa, 3 mặt tiền, tiếp giáp vành đai số 2 và đường Cà Mau đi cụm công nghiệp Khí-Điện-Đạm | Đang lập kế hoạch | |

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản về cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời... được trình bày như sau:

| Chỉ tiêu | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 |
|--|--------|--------|--------|--------|
| 1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán | | | | |
| - Hệ số thanh toán ngắn hạn | 1,10 | 1,17 | 1,2 | 1,1 |
| - Hệ số thanh toán nhanh | 0,58 | 0,58 | 0,46 | 0,56 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | 68,29% | 66,05% | 68,88% | 67,81% |
| - Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn | 31,71% | 33,95% | 31,12% | 32,19% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho | 26,77 | 31,73 | 20,21 | 20,53 |
| - Vòng quay tổng tài sản | 9,95 | 23,47 | 16,34 | 9,30 |
| - Vòng quay tài sản cố định | 74,80 | 55,35 | 46,48 | 48,74 |
| - Vòng quay các khoản phải thu | 48,74 | 65,55 | 60,24 | 54,76 |
| - Vòng quay các khoản phải trả | 15,42 | 18,54 | 14,29 | 13,16 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%) | 0,53% | 0,94% | 1,21% | 0,87% |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) | 15,35% | 33,75% | 31,29% | 23,45% |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%) | 15,62% | 39,79% | 49,99% | 32,9% |
| - Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản (%) | 4,87% | 11,00% | 9,89% | 7,54% |

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán và cơ cấu vốn các năm sau đều tốt hơn so với năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn qua các năm đều lớn hơn 1, **chứng tỏ khả năng thanh toán của Công ty ngày càng bảo đảm đối với các khoản nợ ngắn hạn.**

Tương tự đối với cơ cấu vốn, các chỉ số này tăng qua các năm chứng tỏ **Công ty ngày càng ít sử dụng nguồn vốn vay bên ngoài để đầu tư.** Một điểm đáng lưu ý, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng 39% trong tổng tài sản, trong khi chỉ số Nợ phải trả người bán/ Hàng tồn kho là 100,1% từ đó có thể thấy rằng hầu hết hàng tồn kho của Công ty được tài trợ bởi tín dụng của

các nhà cung cấp. Chỉ tiêu vòng quay các khoản phải trả khá thấp và giảm dần qua các năm cho thấy được sự tín nhiệm cao của các nhà cung cấp đối với công ty. Vòng quay các khoản phải thu năm 2010 giảm so với 2009, điều đó **thể hiện chính sách thu hồi nợ của Công ty tốt hơn.**

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng mạnh sau cổ phần hóa. Điều này chứng tỏ hiệu quả hoạt động của Công ty khi hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

a. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010:

DVT: Đồng

| Tài sản | | Nguồn vốn | |
|---------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
| 1. Tài sản ngắn hạn | 322.919.043.715 | 1. Nợ phải trả | 283.285.131.995 |
| 2. Tài sản dài hạn | 94.711.291.633 | 2. Vốn chủ sở hữu | 134.345.203.353 |
| Tổng cộng: | 417.630.335.348 | Tổng cộng: | 417.630.335.348 |

b. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

- Vốn cổ đông đầu năm : 80.499.860.000 đồng
- Trong năm tăng thêm : 15.293.520.000 đồng
- Vốn cổ đông đến 31/12/2010: 95.793.380.000 đồng

c. Tổng số cổ phần theo từng loại:

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 9.579.338 cổ phiếu.
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 9.579.338 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.579.338 cổ phiếu.

d. Dự kiến chia cổ tức năm 2010: 22% (2.200 đồng/cổ phần)

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH:

Năm 2010 tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn tiếp tục khó khăn, chính sách thắt chặt tiền tệ, kèm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của chính phủ đã tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau cũng chịu ảnh hưởng theo xu thế chung của cả nước.

Bên cạnh đó, tính cạnh tranh của thị trường ngày càng quyết liệt, chi phí đầu vào tăng cao đã tạo áp lực rất lớn cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty trong việc thực hiện các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Với định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, sự điều hành sáng suốt, nhạy bén của Ban Tổng giám đốc cùng với sự nỗ lực của toàn thể người lao động trong Công ty nên ***kết quả kinh doanh năm qua đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra*** cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | KH 2010 | TH 2010 | Tỷ lệ (%) so KH | Tỷ lệ (%) so cùng kỳ |
|-----|----------------------|-----------|-----------|-----------------|----------------------|
| 01 | Tổng doanh thu | 2.800.000 | 3.588.000 | 128,1% | 124,1% |
| 02 | Lợi nhuận trước thuế | 36.000 | 41.537 | 115,4% | 89,1% |
| 03 | Thuế TNDN | 9.000 | 10.049 | 111,7% | 86,5% |
| 04 | Lợi nhuận sau thuế | 27.000 | 31.500 | 116,7% | 90,0% |

a. Hoạt động kinh doanh xăng dầu:

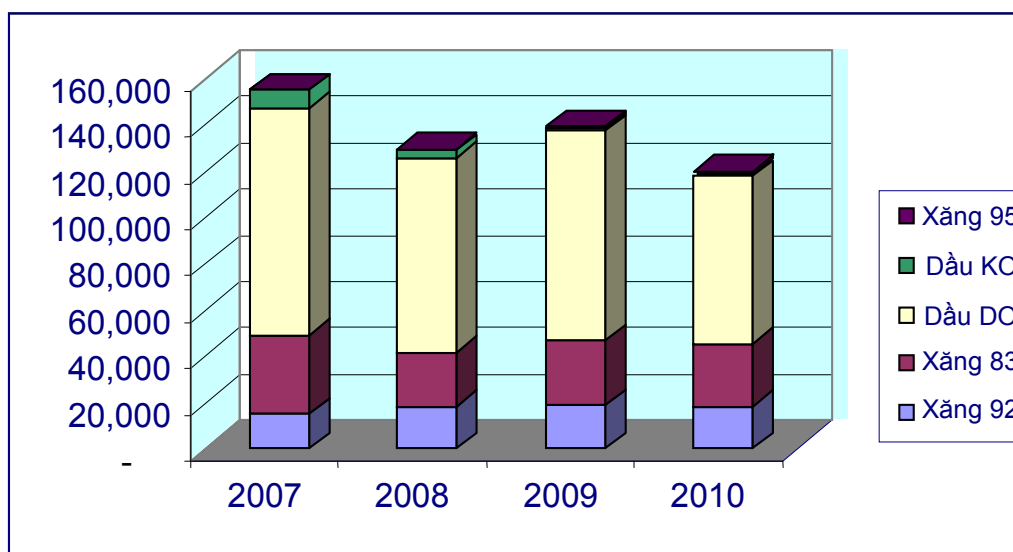
Hệ thống cửa hàng bán lẻ và đại lý bán lẻ xăng dầu của Công ty được duy trì ổn định và phát triển. Năm 2010 công ty đã triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng cửa hàng kinh doanh Xăng Dầu Tắc Thủ, nâng tổng số cửa hàng bán lẻ lên 16 cửa hàng. Kết quả kinh doanh đạt được như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện: 1.799.600.967.150 đồng
- Lợi nhuận thực hiện : 19.290.246.810 đồng

Bảng: Sản lượng xăng dầu qua các năm 2007-2008-2009-2010

| Khoản mục | ĐVT | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | Tăng/ Giảm 2010/2009 |
|------------------|-----------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------------|
| Xăng A95 | M3 | - | 735 | 1.050 | 1.572 | 49,7% |
| Xăng A92 | M3 | 15.110 | 18.479 | 18.809 | 18.362 | -2,4% |
| Xăng A83 | M3 | 33.970 | 23.114 | 28.071 | 27.075 | -3,6% |
| Dầu DO | M3 | 98.278 | 84.183 | 90.576 | 72.407 | -20,1% |
| Dầu KO | M3 | 7.724 | 3.124 | 1.034 | 612 | -40,8% |
| Tổng cộng | M3 | 155.082 | 129.635 | 139.540 | 120.028 | -14% |

Hình sản lượng xăng dầu qua các năm



b. Hoạt động kinh doanh bách hóa:

Năm 2010, Công ty phát triển thêm được 02 cửa hàng chuyên doanh bách hóa góp phần tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.

- Doanh thu thực hiện : 1.419.023.878.758 đồng
- Lợi nhuận thực hiện : 14.052.888.444 đồng

c. Hoạt động kinh doanh của ngành hàng khác:

Tiếp tục duy trì sự ổn định và phát triển trong năm qua:

- Doanh thu thực hiện : 369.264.951.518 đồng
- Lợi nhuận thực hiện : 8.194.322.447 đồng

3. CƠ CẤU DOANH THU:

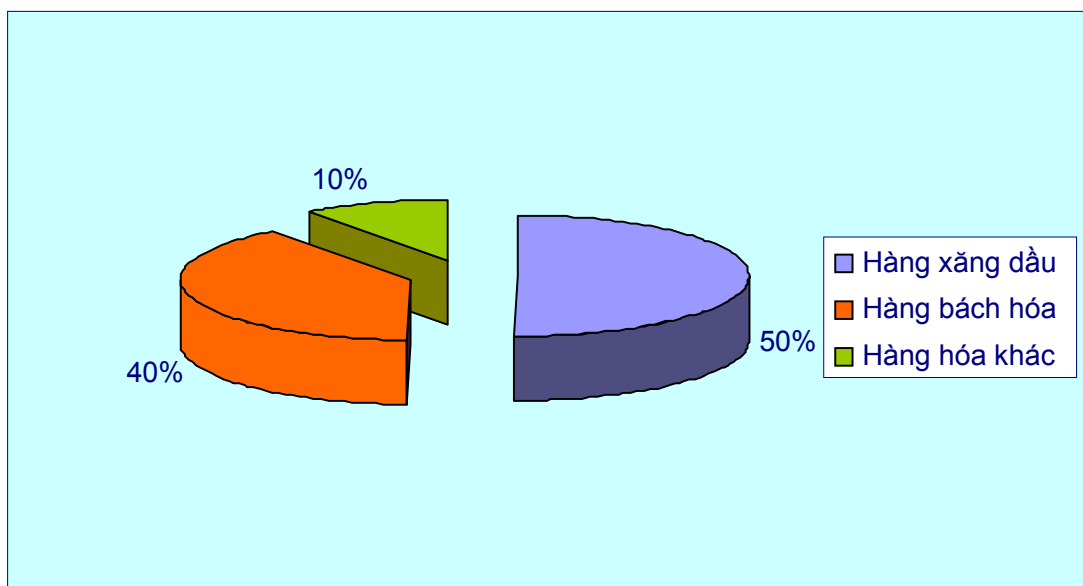
Bảng: Cơ cấu doanh thu thuần theo mặt hàng kinh doanh.

Đvt: 1.000 đồng

| Khoản mục | 2008 | 2009 | 2010 | +/- 10/09 |
|------------------|----------------------|----------------------|----------------------|-------------|
| Hàng xăng dầu | 1.801.963.426 | 1.502.565.752 | 1.799.600.967 | +20% |
| Hàng bách hóa | 932.816.209 | 1.077.941.027 | 1.419.023.879 | +32% |
| Hàng hóa khác | 238.226.044 | 309.765.884 | 369.264.951 | +19% |
| Tổng cộng | 2.973.005.679 | 2.890.272.663 | 3.587.889.797 | +24% |

Lưu ý: Năm tài khóa 2008 bao gồm 13 tháng, từ 01/12/2007 – 31/12/2008

Hình cơ cấu doanh thu theo mặt hàng kinh doanh



Nguồn: Báo cáo phân tích doanh thu CMV năm 2010

Năm 2010 đánh dấu sự tăng trưởng vượt bậc về doanh thu của công ty với mức tăng 24% so với năm 2009 đã đưa doanh thu của CMV lên trên 3.500 tỷ đồng. Tỷ trọng doanh thu nhóm hàng xăng dầu năm 2010 là 50% giảm 1% so với năm 2009, tỷ trọng doanh thu nhóm hàng bách hóa là 40% tăng 3% so với năm 2009.

4. CƠ CẤU LỢI NHUẬN:

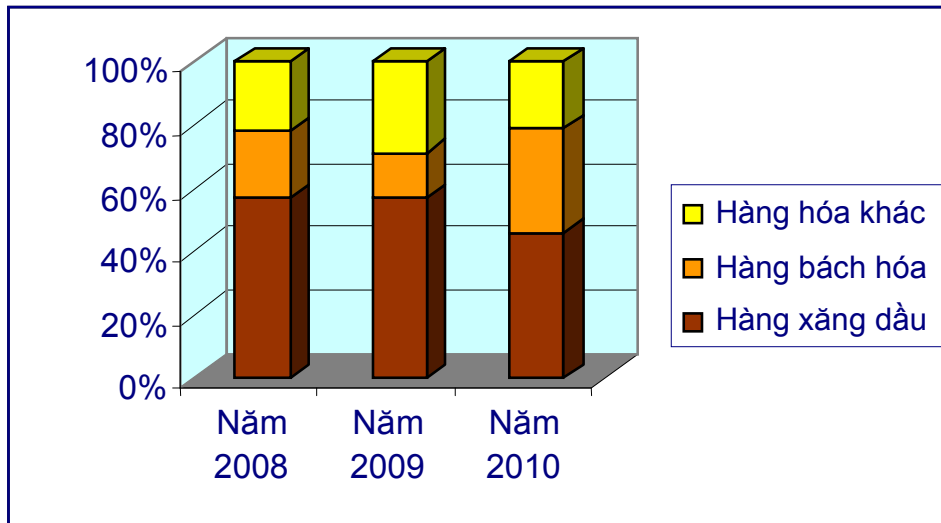
Bảng: Cơ cấu Lợi nhuận sau thuế theo ngành nghề kinh doanh.

Đvt: 1.000 đồng

| Khoản mục (*) | Năm 2008 | | Năm 2009 | | Năm 2010 | | +/- 2010/2009 (%) |
|------------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | |
| Hàng xăng dầu | 15.847.901 | 57% | 19.839.215 | 57% | 14.467.685 | 46% | -27% |
| Hàng bách hóa | 5.936.525 | 21% | 4.911.705 | 14% | 10.539.666 | 33% | +114% |
| Hàng hóa khác | 6.071.227 | 22% | 10.242.417 | 29% | 6.493.219 | 21% | -37% |
| Tổng cộng | 27.855.653 | 100% | 34.993.337 | 100% | 31.500.570 | 100% | -10% |

(*)Lưu ý: Lợi nhuận từ hoạt động tài chính và lợi nhuận khác đã được phân bổ vào lợi nhuận của từng ngành nghề kinh doanh.

Hình cơ cấu lợi nhuận theo mặt hàng kinh doanh



Nguồn: Báo cáo phân tích lợi nhuận CMV năm 2010

Năm 2010, kinh doanh xăng dầu vẫn giữ vai trò mảng kinh doanh chủ lực, đóng góp hơn 50% doanh thu và hơn 46% lợi nhuận cho Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau. Trong khi đó lợi nhuận kinh doanh từ ngành hàng bách hóa có sự tăng trưởng ấn tượng cả về số tương đối lẫn tuyệt đối, tỷ trọng lợi nhuận của ngành hàng này tăng từ 14% năm 2009 lên 33% năm 2010 bù đắp được sự sụt giảm lợi nhuận của ngành hàng xăng dầu. Điều này nói lên được vị thế và tầm quan trọng của ngành hàng bách hóa trong cơ cấu kinh doanh đa ngành của Camex. Trong tương lai, lĩnh vực kinh doanh này sẽ còn tiếp tục được đầu tư phát triển để trở thành mảng kinh doanh chủ lực của công ty thay thế cho ngành hàng xăng dầu.

5. CẤU TRÚC CHI PHÍ:

Bảng: Cơ cấu chi phí trên doanh thu của Công ty

Đvt: 1.000 đồng

| Chi phí | 2008 | | Năm 2009 | | 2010 | |
|------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng /DTth (%) | Giá trị | Tỷ trọng /DTth (%) | Giá trị | Tỷ trọng /DTth (%) |
| Giá vốn hàng bán | 2.858.443.975 | 96,1 | 2.778.795.707 | 96,1 | 3.480.070.888 | 97,0 |
| Chi phí HĐ tài chính | 4.027.682 | 0,1 | 1.806.374 | 0,1 | 4.150.729 | 0,1 |
| Chi phí bán hàng | 67.433.061 | 2,3 | 69.490.534 | 2,4 | 66.878.068 | 1,9 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 20.968.873 | 0,7 | 13.798.430 | 0,5 | 13.250.665 | 0,4 |
| Chi phí khác | 520.778 | 0,0 | 19.753 | 0,0 | 16.555 | 0,0 |
| Doanh thu thuần | 2.973.005.679 | 100 | 2.890.272.663 | 100 | 3.587.889.797 | 100 |

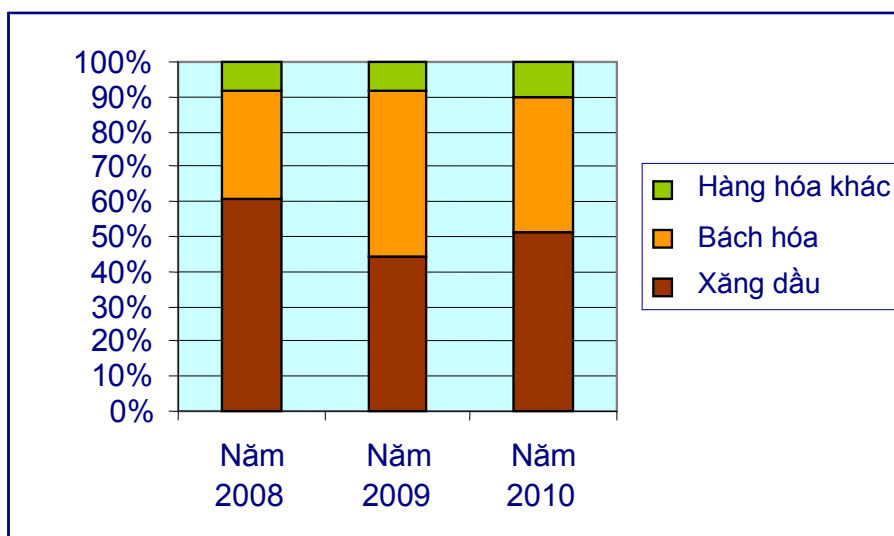
Bảng : Cơ cấu giá vốn hàng bán theo ngành nghề kinh doanh

Đvt: 1.000 đồng

| Khoản mục | 2008 | | 2009 | | 2010 | |
|---------------------|----------------------|------------|----------------------|------------|----------------------|------------|
| | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Giá trị | Tỷ lệ (%) | Giá trị | Tỷ lệ (%) |
| Kinh doanh xăng dầu | 1.748.722.184 | 61 | 1.469.248.813 | 53 | 1.773.625.528 | 51 |
| Bách hóa | 896.719.063 | 31 | 1.035.073.195 | 37 | 1.369.259.611 | 39 |
| Hàng hóa khác | 213.002.728 | 7 | 274.473.699 | 10 | 337.185.749 | 10 |
| Tổng cộng | 2.858.443.975 | 100 | 2.778.795.707 | 100 | 3.480.070.888 | 100 |

Nguồn: Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

Hình cơ cấu giá vốn theo ngành nghề kinh doanh



Nhìn chung, cơ cấu chi phí trên doanh thu qua các năm không có nhiều biến động. Giá vốn hàng bán của lĩnh vực kinh doanh xăng dầu hoàn toàn chịu chi phối theo giá xăng dầu của thị trường. Năm 2008, giá xăng dầu quốc tế biến động không ngừng, 7 tháng đầu năm giá liên tục tăng, tuy nhiên 5 tháng cuối năm giá lại liên tục giảm. Đến năm 2009, giá xăng dầu đã ổn định ở mức thấp hơn, dẫn tới giá vốn hàng bán có chiều hướng giảm so với 2008. Tuy giá biến động nhiều, nhưng nhờ vào nguồn cung ổn định và dự đoán được tình hình thị trường, tỷ trọng giá vốn hàng bán/ doanh thu thuần của Công ty có chiều hướng giảm trong giai đoạn 2007 – 2009 và tăng nhẹ trong năm 2010. Làm được điều này một phần cũng nhờ vào các chính sách kiểm soát chi phí sản xuất của Công ty. Đối với mặt hàng xăng dầu, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đã xây dựng các định mức chung như: định mức về tiêu hao nguyên vật liệu khi vận chuyển xăng dầu Tổng kho công ty tới các cửa hàng và đại lý bán lẻ. Đối với lĩnh vực kinh doanh bách hóa, Công ty thường xuyên tổ chức kiểm kê định kỳ kết hợp với các đợt kiểm kê đột xuất để đánh giá lại giá trị thực tế hàng tồn kho, vừa kịp thời ngăn ngừa tổn thất vật chất cho công ty.

Năm 2008, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng cao là do sau khi cổ phần hóa, Công ty đã mở rộng hệ thống cửa hàng, bao gồm chi nhánh ở Kiên Giang, trạm gas Định Bình, Cửa hàng rượu bia thuốc lá, cửa hàng Bách Hóa Thới Bình và Trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau - Bạc Liêu. Đến năm 2009 và 2010 chi phí quản lý đã giảm xuống đáng kể, thể hiện sự hiệu quả của công tác quản lý trong Công ty.

6. THÔNG TIN VỀ CỔ TỨC VÀ THU NHẬP/CỔ PHIẾU:

Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các khoản tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

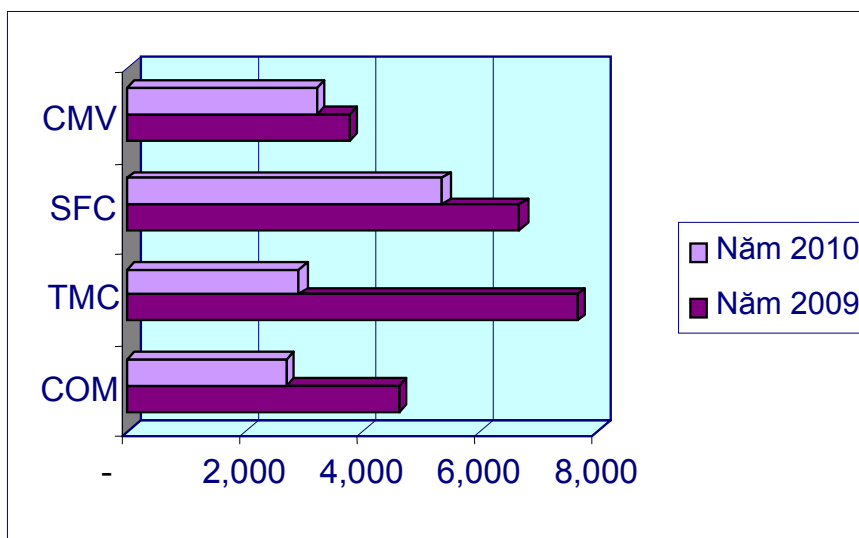
HĐQT luôn cân nhắc xem xét các kế hoạch kinh doanh trong năm tới để tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông, đảm bảo công ty phát triển nhanh và bền vững.

Sau ba năm hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đều duy trì mức lợi nhuận cao và mức chi cổ tức ổn định cho cổ đông. Năm 2008 là 22%, năm 2009 là 25% và dự kiến năm 2010 là 22% trên vốn điều lệ.

Chính sách trả cổ tức trên được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Cổ phiếu CMV trên thị trường được xếp vào loại có giá trị tương đối ổn định kể từ thời điểm niêm yết ngày 21/06/2010. EPS năm 2010 của CMV đứng thứ hai các công ty niêm yết cùng ngành với 3.232 đồng/cổ phiếu.

So sánh EPS của CMV với các công ty niêm yết cùng ngành:



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của các công ty

7. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

- Điều lệ tổ chức hoạt động đã được sửa đổi, bổ sung theo điều lệ mẫu đối với các Công ty niêm yết và được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Điều chỉnh quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động, quy chế đánh giá năng lực cán bộ quản lý và nhân viên cho phù hợp với tình hình thực tế. Thực hiện tốt chi trả tiền lương, tiền thưởng nhằm khuyến khích tăng năng suất và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện tốt chính sách nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, bổ sung và luân chuyển cán bộ quản lý, đăng ký mới về thuế thu nhập cá nhân và tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

- Hưởng ứng tích cực phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động xã hội, từ thiện trong nội bộ và ngoài Công ty.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Kết thúc năm 2010, một năm đầy thách thức khó khăn với diễn biến thị trường rất phức tạp, đặc biệt với lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, gas, vật liệu xây dựng... Sự điều hành của chính phủ ổn định giá xăng dầu cùng áp lực lãi suất ngân hàng tăng cao làm chi phí đầu vào gia tăng mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận năm 2010. Tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Cty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau vẫn tiếp tục duy trì bền vững, kết quả hoạt động năm 2010 đã hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông ngày 09/04/2010.

Với trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định tại chương X điều 40 của điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau.

Căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập. Ban Kiểm soát nhận xét về các mặt hoạt động của Công ty như sau:

*** VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN:**

Ban kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được Ban Tổng giám đốc và Phòng Kế toán Công ty lập và được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán TNHH BDO Việt Nam-Chi nhánh Cần Thơ. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác tình hình tài chính, chính trị thời điểm ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 phù hợp với các quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý liên quan.

*** VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:**

1. Tình hình tuân thủ pháp luật, điều lệ của Công ty:

Trong năm 2010 công việc điều hành, quản lý của các Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức hoạt động đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2010 một sự kiện quan trọng đã diễn ra đánh dấu bước phát triển của Công ty, cổ phiếu của Cty CP Thương nghiệp Cà Mau **mã chứng khoán CMV với số lượng 8.049.986 cổ phiếu đã được chính thức niêm yết và giao dịch tại Sở chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

- So với năm 2009 mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh năm 2010 gặp nhiều khó khăn, diễn biến thị trường phức tạp nhờ sự nỗ lực của toàn thể Công ty, sự quản lý điều hành cẩn trọng và trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc các hoạt động của Công ty trong năm 2010 đã được đảm bảo phát triển an toàn và bền vững được thể hiện qua các chỉ tiêu: **Danh thu đạt 128% so kế hoạch và lợi nhuận đạt 116% so kế hoạch** đã được thông qua Đại hội cổ đông như báo cáo của ban Tổng Giám Đốc.

3. Tình hình đầu tư tài chính:

- Trong năm 2010 Công ty tiếp tục **chào mua công khai 14% cổ phiếu quỹ của Công ty Cổ phần in Bạc Liêu** với số lượng 9.827 cổ phiếu nâng số lượng sở hữu lên 38.527 cổ phiếu đạt **tỉ lệ nắm giữ của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đối với Công ty Cổ phần in Bạc Liêu là 55%.**

- Tiếp tục Công ty đã **đầu tư tài chính dài hạn** vào Công ty liên kết là **Công ty Cổ phần sách thiết bị Cà Mau và Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Cà Mau** với số tiền là: **7.803.085.331 VNĐ.**

Trong đó:

* Công ty CP Sách thiết bị Cà Mau: 2.959.706.051đ (Số lượng 16.400CP chiếm 41% tỉ lệ biểu quyết, vốn điều lệ của Công ty là: 4.000.000.000đ).

* Công ty CP đầu tư và Xây dựng Cà Mau: 4.843.379.280đ (Số lượng 28.860CP chiếm 31% tỉ lệ biểu quyết, vốn điều lệ của Công ty là: 9.035.600.000đ).

- Trong năm 2010 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo việc trích lập “Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn” với số tiền là: 423.141.200đ nhằm đảm bảo nguồn tài chính bù đắp khi xảy ra tổn thất và đảm bảo cho Công ty phản ánh giá trị các khoản đầu tư tài chính không cao hơn giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Trong năm 2010 Công ty đầu tư vốn (Đầu tư tài chính ngắn hạn) vào Công ty Cổ phần Duyên Việt cùng hợp tác đầu tư sản xuất, phát hành các loại tập học sinh và các sản phẩm văn hóa với số tiền là: 12.216.842.199 VNĐ.

4. Tình hình tăng vốn điều lệ và ứng cổ tức năm 2010:

- Trong quý III/2010 Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 80.499.860.000VNĐ lên **95.793.380.000VNĐ** bằng phương án phát hành cổ phiếu với số lượng 1.529.498 cổ phiếu loại cổ phiếu phổ thông với tỉ lệ phát hành là 19%

* **Mục đích phát hành:** Chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu.

* **Nguồn vốn:** Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận với tỉ lệ thông qua 88,07%).

- Trong 9 tháng đầu năm 2010 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo việc phân chia lợi nhuận theo nghị quyết đã thông qua cụ thể đã chi tạm ứng cổ tức đợt I năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% /mệnh giá với số tiền là: 8.049.986.000đ.

5. Nhân xét hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều tập trung vào việc triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010 đã được thông qua và đã được ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị, đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2010 Ban kiểm soát không nhận bất cứ thông tin nào liên quan đến vấn đề tranh chấp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và không có xung đột lợi ích nào với những người có liên quan.

Chúng tôi đánh giá rằng ở mức độ nhất định hoạt động của Công ty thông qua những người điều hành và kết quả đạt được trong năm 2010 vẫn tiếp tục đạt được sự tin tưởng của cổ đông.

CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến thời điểm 31/12/2010 Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau đã có **02 công ty con và 02 công ty liên kết ở địa bàn 02 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu**. Với chủ trương đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng chủng loại hàng hóa, tận dụng các ưu thế về hệ thống phân phối sẵn có để tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, Camex từng bước xem xét đầu tư thêm vào các lĩnh vực kinh doanh khác với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông và sự phát triển ổn định, bền vững.

1. CÁC CÔNG TY CÓ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN DO CAMEX NẪM GIỮ:

*** Công ty TNHH một thành viên Bách Việt (100% vốn Camex)**

+ Địa chỉ: Số 102 Phan Đình Phùng – Phường 2 – TP. Cà Mau- Tỉnh Cà Mau

+ Điện thoại: (0780) 2241101 Fax: (0780) 3831800

+ Email: ctybachviet@gmail.com

+ Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm.

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2010:

- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng
- Tổng doanh thu : 149.883.926.224 đồng
- Tổng giá vốn : 140.918.721.735 đồng
- Tổng chi phí : 6.472.212.859 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2.492.991.630 đồng

*** Công ty Cổ Phần In Bạc Liêu (55,03% vốn Camex)**

+ Địa chỉ: 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu

+ Điện thoại: (0781) 3824419 Fax: (0781) 3820727

+ Email:

+ Ngành nghề kinh doanh: in ấn văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo tạp chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ động; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2010:

- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng
- Tổng doanh thu : 16.661.892.652 đồng
- Tổng giá vốn : 12.011.166.131 đồng
- Tổng chi phí : 2.190.883.481 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 2.459.843.040 đồng

2.CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT:

*** Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cà Mau (31% Vốn Camex)**

+ Địa chỉ: 176 Phan Ngọc Hiền, Phường 6, TP. Cà Mau

+ Điện thoại: (0780) 2241101 Fax: (0780) 3831800

+ Email:

+ Ngành nghề kinh doanh: là thi công các loại công trình dân dụng; thi công vỏ bao che các công trình công nghiệp; thi công công trình cơ sở hạ tầng đô thị; các công trình thủy lợi; tư vấn thiết kế; thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy; lắp đặt hệ thống chống sét; camera quan sát, hệ thống an ninh cảnh báo.

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2010:

- Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng
- Tổng doanh thu : 168.669.064.946 đồng
- Tổng giá vốn : 155.198.066.735 đồng
- Tổng chi phí : 8.684.100.831 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 4.786.897.380 đồng

*** Công ty Cổ Phần Sách Thiết Bị Cà Mau (41% Vốn Camex)**

+ Địa chỉ: 26-28 Lê Lợi, phường 2, TP. Cà Mau

+ Điện thoại: (0780) 2241101 Fax: (0780) 3831800

+ Email:

+ Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh sách giáo dục, thiết bị, vật tư giáo dục, kinh doanh văn phòng phẩm- văn hóa phẩm đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2010:

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000 đồng
- Tổng doanh thu : 19.253.978.728 đồng
- Tổng giá vốn : 16.530.383.090 đồng
- Tổng chi phí : 1.814.541.996 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 909.053.642 đồng

CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Số lượng người lao động trong Công ty.

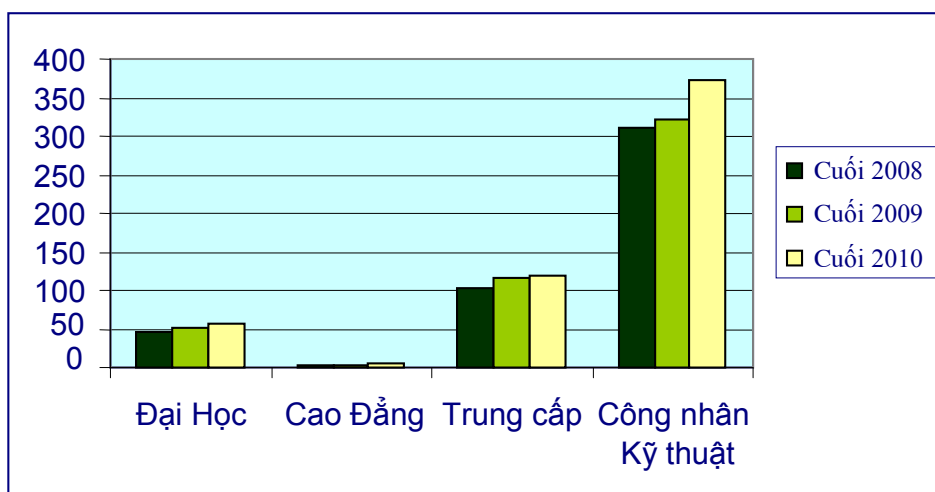
Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2010 là 555 người, tăng 13% so với năm 2009. Cụ thể như sau:

| Phân loại theo trình độ học vấn | Tổng số lao động | Tỷ lệ |
|---|------------------|-------------|
| Đại Học | 56 | 10,1% |
| Cao đẳng | 6 | 1,1% |
| Trung cấp | 119 | 21,4% |
| Công nhân kỹ thuật | 374 | 67,4% |
| Tổng | 555 | 100% |
| Phân loại theo thời hạn hợp đồng | | |
| không xác định thời hạn | 264 | 47,6% |
| Từ trên 1 năm đến 3 năm | 172 | 31,0% |
| Hợp đồng 1 năm | 108 | 19,4% |
| Lao động thời vụ | 11 | 2,0% |
| Tổng | 555 | 100% |

Nguồn: Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau

a. Cơ cấu theo trình độ lao động tại Công ty.

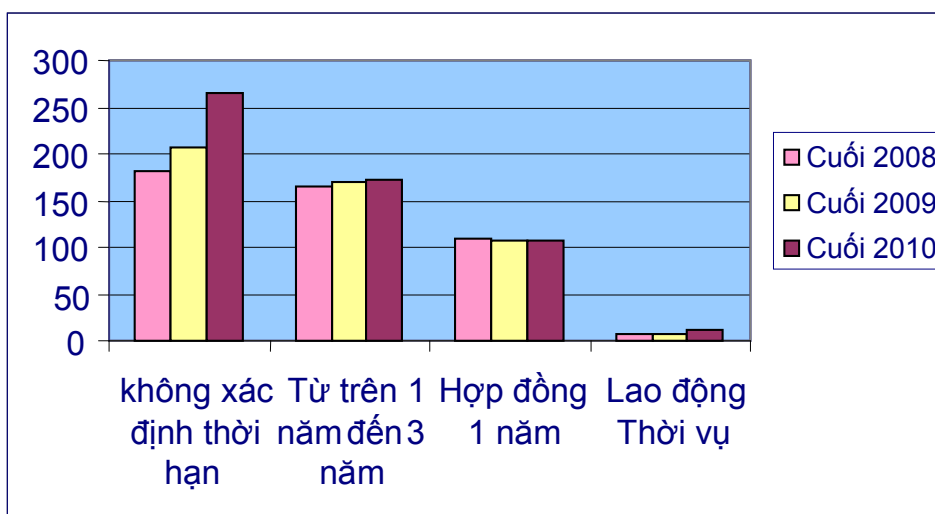
Hình cơ cấu lao động theo trình độ



Cơ cấu lao động theo trình độ nhìn chung ít biến động và chủ yếu tập trung vào nhóm trung cấp và công nhân kỹ thuật với mức tăng trưởng cao qua các năm, chiếm 67% trên tổng số lao động. Tuy nhiên nhóm đại học và trên đại học còn thấp chiếm khoảng 10% trên tổng số lao động, sẽ là một cản trở lớn để công ty có thể phát triển mạnh trong tương lai với nền kinh tế ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và sự phát triển mạnh mẽ về khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin,...

b. Cơ cấu theo thời hạn hợp đồng:

Hình cơ cấu lao động theo thời hạn hợp đồng



Tương tự, cơ cấu lao động theo thời hạn hợp đồng qua các năm ít biến động và chủ yếu tập trung vào nhóm không xác định thời hạn, chiếm 47% trên tổng số lao động công ty. Đây là số lao động đã có thâm niên làm việc, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty. Điều này thể hiện sự ổn định chính sách nhân sự, tạo tiền đề cho sự phát triển vững bền của công ty.

2. Chính sách đối với người lao động.

✚ Chế độ làm việc:

- Đối với nhân viên văn phòng: ngày làm 8 giờ, sáng từ 7h – 11h, chiều từ 13h30 – 17h30; tuần làm 6 ngày, nghỉ ngày chủ nhật.
- Đối với nhân viên tại các cửa hàng bách hóa : làm theo ca từ 6h – 20h (riêng ngày chủ nhật làm việc đến 18h). Các nhân viên tại cửa hàng đều được cấp đồng phục theo quy

định của Công ty, và thay đổi sau mỗi năm. Điều này giúp tạo nên hình ảnh của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.

- Các nhân viên tại cửa hàng xăng dầu: làm theo ca từ 5h đến 21h và đều được trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra Cửa hàng Xăng Dầu Định Bình, Cửa hàng Xăng Dầu Tân Thành làm việc theo ca, hoạt động 24/7.

✚ Chính sách đào tạo:

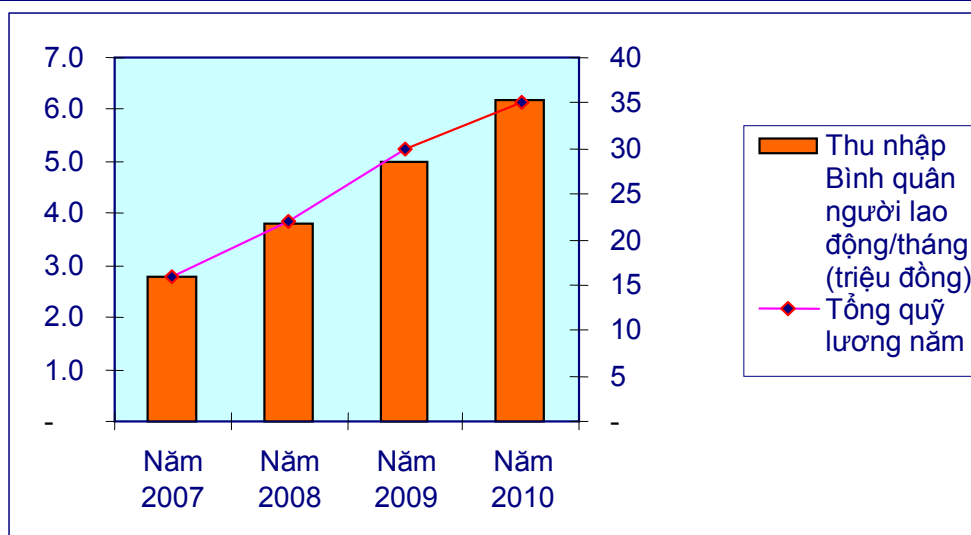
Công ty quan tâm việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu định hướng phát triển của Công ty trước mắt và lâu dài, từ đó đã tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, gas; kỹ năng giao tiếp phục vụ, khách hàng và các lớp nghiệp vụ về công tác quản lý, kinh doanh tài chính nhân sự lao động.

✚ Chính sách lương, thưởng:

Sau khi đi vào hoạt động, Công ty đã xây lại quy chế trả lương, phân phối tiền thưởng phù hợp với điều kiện, đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở chế độ chính sách của Nhà Nước quy định, gắn liền với năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc đảm nhận của từng người. Bên cạnh đó, kết hợp với chính sách tiết kiệm chi phí, Công ty đã đề ra các định mức về các khoản hao hụt hàng tồn kho, trong đó nếu nhân viên thực hiện tốt chính sách này, không vượt quá định mức thì sẽ được hưởng toàn bộ số chênh lệch đó. Thêm vào đó, các cửa hàng cũng sẽ được thưởng nếu hoạt động có hiệu quả, vượt doanh số kế hoạch đề ra.

Thu nhập của người lao động qua các năm sau cổ phần hóa

| Chỉ tiêu | Năm 2007 | Năm 2008 | Năm 2009 | Năm 2010 |
|--|----------|----------|----------|----------|
| Thu nhập bình quân người lao động tháng (triệu đồng) | 2.8 | 3.8 | 5.0 | 6.2 |
| Tổng quỹ lương năm (tỷ đồng) | 16 | 22 | 30 | 35 |



Sau cổ phần hóa thì tốc độ tăng trưởng của tổng quỹ lương rất cao ở mức trung bình 30%. Theo đó thì thu nhập bình quân của người lao động cũng tăng trưởng rõ rệt mỗi năm sau cổ phần hóa với mức tăng trung bình trên 32%. Năm 2011 công ty đặt ra chỉ tiêu phấn đấu đạt thu nhập bình quân của người lao động ở mức trên 6.500.000 đồng/tháng và mức lương thấp nhất của người lao động từ 2.000.000 đồng/tháng (năm 2010) lên trên 3.500.000 đồng/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối cao so với các doanh nghiệp trong tỉnh Cà Mau.

✚ Các chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ nhà nước đối với người lao động như: Hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, nghỉ phép, thai sản, ốm đau, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại... Ngoài ra, người lao động làm việc tại Công ty còn được quan tâm chăm lo về vật chất và tinh thần như: hằng năm được đi tham quan du lịch trong và ngoài nước (tùy theo đối tượng), Ban TGD, Ban Chấp hành Công đoàn tặng quà nhân ngày lễ, tết, ngày truyền thống, sinh nhật.... Gần đây nhất, đầu năm 2009, Công ty đã tổ chức 04 chuyến đi cho hơn 300 người lao động tham quan du lịch tại Vinpearland – Nha Trang, đầu năm 2010 tổ chức 03 chuyến đi cho hơn 150 lao động tham quan du lịch đảo Phú Quốc, nhằm gắn kết người lao động trong Công ty, đồng thời tạo điều kiện để họ vui chơi, thư giãn.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

| | | <u>Tỷ lệ</u> |
|-------------------------|---------------------------|---------------|
| - Vốn Nhà nước | : 36.652.000.000 đ | 38,26% |
| - Nhà đầu tư chiến lược | : 24.272.700.000 đ | 25,34% |
| - Công nhân viên | : 13.866.350.000 đ | 14,48% |
| - Công đoàn cơ sở Cty | : 2.285.020.000 đ | 2,39% |
| - Cổ đông bên ngoài | : <u>18.717.310.000 đ</u> | <u>19,54%</u> |
| Cộng : | 95.793.380.000 đ | 100% |

| Stt | Danh mục | Số CP nắm giữ | Tỷ lệ/ VĐL (%) |
|------------------|--------------------------|------------------|----------------|
| 1 | Cổ đông Tổ chức | 6.750.145 | 70,46 |
| | - Cổ đông sở hữu trên 5% | 6.092.470 | 63,60 |
| | - Cổ đông sở hữu dưới 5% | 657.675 | 6,86 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 2.829.193 | 29,54 |
| Tổng cộng | | 9.579.338 | 100,00 |

Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

| Stt | Tên cổ đông | ĐKKD | Địa chỉ | Số CP nắm giữ | Tỷ lệ/ VĐL (%) |
|------------------|--|-------------------|---|------------------|----------------|
| 1 | Tổng Cty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước | 0106000737 | 06 Phan Huy Chú, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | 3.665.200 | 38,26 |
| 2 | Tổng Cty Dầu Việt Nam - Cty TNHH Một thành viên | 0305795054 | Tầng 14-17 Tòa nhà Petro Việt Nam, số 1-5 L Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 1.374.450 | 14,35 |
| 3 | Cty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư Petec | 4106000302 | 194 Nam Kỳ khởi Nghĩa, Q3. TP.HCM | 1.052.820 | 10,99 |
| Tổng cộng | | | | 6.092.470 | 63,60 |

2. GIAO DỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN CHỦ CHỐT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

Trong năm 2010, Bà Văn Thị Thu Minh vợ của thành viên Ban Kiểm Soát là ông Tô Hiếu Thuận đã thực hiện giao dịch: bán 4.400 cổ phiếu CMV từ ngày 24-26/08/2010(Không báo cáo công ty để công bố thông tin).

3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Hội đồng quản trị tập trung làm việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tập thể, cá nhân thành viên và tuân thủ Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty, Pháp luật hiện hành. Thực hiện quy chế làm việc theo Điều lệ, kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động và định hướng kinh doanh từng năm.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng điều lệ công ty. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ theo đúng quy định.

Quản lý, giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2010. Hội đồng quản trị đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo và thực hiện hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát hoạt động của công ty.

CÁC NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2010

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------|------------|---|
| 1 | 04/QĐ- HĐQT | 25/02/2010 | Ban hành quy chế quản trị Công ty |
| 2 | 05/QĐ- HĐQT | 25/02/2010 | Ban hành quy trình Công bố thông tin |
| 3 | 07/QĐ- HĐQT | 01/03/2010 | Thông qua phương án nhận chuyển nhượng đất để xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu Tác Thủ |
| 4 | 08/QĐ- HĐQT | 06/04/2010 | Mua cổ phiếu quỹ Công ty CP In Bạc Liêu và thay đổi Thư ký HĐQT |

| STT | Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------|------------|---|
| 5 | 10/QĐ- HĐQT | 31/05/2010 | Thông qua việc hình thành quỹ tiền lương năm 2010 và lựa chọn đơn vị kiểm toán |
| 6 | 11/QĐ- HĐQT | 30/07/2010 | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010, thông qua kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19% bằng cổ phiếu và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 tỷ lệ 10% bằng tiền mặt. |
| 7 | 12/QĐ- HĐQT | 24/09/2010 | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 8 tháng đầu năm 2010, thông qua phương án chuyển nhượng đất và thành lập cửa hàng Công Nghệ Thực Phẩm Hộ Phòng |
| 8 | 13/QĐ- HĐQT | 30/11/2010 | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 9 tháng đầu năm 2010, thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2011, giải thể cửa hàng May Sẵn Tự Chọn và thành lập Cửa hàng Âm Thanh-Karaoke |

4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm qua Ban Kiểm Soát đã thực hiện các công việc giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đúng theo chức năng và nhiệm vụ đã được cụ thể hóa trong Điều lệ công ty.

Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ trực tiếp 04 lần và các lần họp không trực tiếp. Đồng thời tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia góp ý những vấn đề có liên quan. Kiểm soát tình hình quản trị tài chính công ty, kiểm tra tính hợp lý của các báo cáo tài chính quý, giữa niên độ, báo cáo tài chính năm, đảm bảo phản ánh trung thực nhất về tình hình tài chính của Công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (dưới đây gọi tắt là “**Công ty**”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. **CÔNG TY:**

- Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 28 tháng 09 năm 2010 do sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.
- Văn phòng của Công ty được đặt tại số 70 – 72, đường Đề Thám, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Công ty có 04 chi nhánh , 02 công ty con

↳ Các chi nhánh:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu, số 82/4, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng, số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, Thị trấn Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại TP. HCM, số 43 đường số 6, Cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang, số 1114 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

↳ Công ty con:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt, số 102, đường Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Công ty Cổ phần In Bạc Liêu đặt tại số 160 Hoàng Văn Thụ, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
- Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Trong kỳ tài chính này, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh:

- Xăng, dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại , nước giải khát.
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại.

- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy.

- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

2. CÁC THÀNH VIÊN CỦA HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm :

*** Hội đồng Quản trị:**

Bà Nguyễn Thị Việt Ánh -Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Trục -Thành viên

Ông Lê Xuân Trinh -Thành viên

Ông Thái Trường An -Thành viên

Ông Phù Chí Anh -Thành viên

*** Ban Tổng Giám đốc:**

Bà Nguyễn Thị Việt Ánh -Tổng Giám đốc

Ông Thái Trường An -Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Việt Ngọc -Phó Tổng Giám đốc

3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH DOANH:

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH:

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. KIỂM TOÁN VIÊN:

Công ty TNHH BDO Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

6. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT:

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;

- + Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- + Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- + Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- + Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

7. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



The image shows a red circular stamp of Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau. The stamp contains the text: "S.Đ.Κ.Κ.Đ. 2000110221 - C.T.P.", "CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU", and "TP. CÀ MAU - T. CÀ MAU". A handwritten signature in black ink is written across the stamp.

Ông Thái Trường An

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2011



Tel.: +84 710 3827888
Fax: +84 710 3823209
www.bdo.vn

Can Tho Office
237A5 30 Tháng 4 Street
Hung Loi Ward
Ninh Kiều District, Can Tho City
Vietnam

Số : 038B /2010/BCKT-BDO.CT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm : Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con, được trình bày từ trang 5 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm theo đây, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty và các công ty con, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẶNG THỊ MỸ VÂN
Giám đốc
Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

CÔNG TY TNHH BDO VIỆT NAM- CN CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 26 tháng 3 năm 2011

TRƯƠNG THỊ HƯƠNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số 1042/KTV

044895
CÔNG
CH NHIỆT
ĐO VI
CN. CÀ
M. KIỀU

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

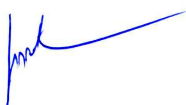
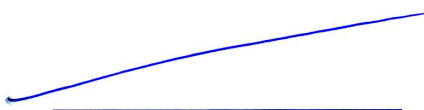
| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 322,919,043,715 | 284,530,183,152 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 57,835,470,398 | 43,538,243,791 |
| Tiền | 111 | | 48,635,470,398 | 43,538,243,791 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | 4.2 | 9,200,000,000 | - |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 12,216,842,199 | 7,942,393,798 |
| Đầu tư ngắn hạn | 121 | 4.3 | 12,216,842,199 | 7,942,393,798 |
| Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| Các khoản phải thu | 130 | | 78,594,105,295 | 52,503,886,660 |
| Phải thu khách hàng | 131 | 4.4 | 70,671,681,930 | 51,935,302,324 |
| Trả trước cho người bán | 132 | 4.5 | 8,554,192,976 | 3,034,705,619 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 135 | 4.6 | 1,005,031,850 | 1,065,380,740 |
| Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | 139 | 4.7 | (1,636,801,461) | (3,531,502,023) |
| Hàng tồn kho | 140 | 4.8 | 164,056,765,454 | 175,079,006,989 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 164,180,685,206 | 180,183,075,856 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (123,919,752) | (5,104,068,867) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 10,215,860,369 | 5,466,651,914 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | | |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 2,394,704,551 | 303,494,359 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 154 | | 70,301,277 | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 4.9 | 7,750,854,541 | 5,163,157,555 |
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 94,711,291,633 | 69,314,009,364 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |

| | | | | |
|---|------------|------|------------------------|------------------------|
| Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 213 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 85,159,747,923 | 62,177,584,571 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.10 | 48,468,378,942 | 34,876,178,015 |
| Nguyên giá | 222 | | 92,946,971,554 | 61,289,979,138 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (44,478,592,612) | (26,413,801,123) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.11 | 32,464,231,548 | 27,301,406,556 |
| Nguyên giá | 228 | | 33,331,605,315 | 27,921,265,315 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (867,373,767) | (619,858,759) |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 4.12 | 4,227,137,433 | - |
| Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| Nguyên giá | 241 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | - | - |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 8,968,030,331 | 6,383,040,000 |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | 4.13 | 7,803,085,331 | 4,749,850,000 |
| Đầu tư dài hạn khác | 258 | 4.14 | 1,588,086,200 | 1,988,086,200 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn | 259 | 4.15 | (423,141,200) | (354,896,200) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 583,513,379 | 753,384,793 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 334,654,708 | 726,997,586 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 38,744,625 | 26,387,207 |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| Lợi thế thương mại | 269 | 4.16 | 210,114,046 | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 417,630,335,348 | 353,844,192,516 |


| NGUỒN VỐN | | | | | | |
|--|-----|------------|--|------------------------|------------------------|------------------------|
| NỢ PHẢI TRẢ | | 300 | | | 283,285,131,995 | 243,727,730,145 |
| Nợ ngắn hạn | | 310 | | | 283,089,340,407 | 243,725,543,307 |
| Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 4.17 | | 60,000,000,000 | 75,940,000,000 | |
| Phải trả cho người bán | 312 | 4.18 | | 164,263,253,589 | 115,427,694,442 | |
| Người mua trả tiền trước | 313 | 4.19 | | 3,259,425,133 | 3,962,527,101 | |
| Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 314 | 4.20 | | 6,304,252,030 | 8,622,501,337 | |
| Phải trả công nhân viên | 315 | | | 9,892,219,457 | 11,368,592,419 | |
| Chi phí phải trả | 316 | | | 518,855,514 | - | |
| Phải trả nội bộ | 317 | | | - | - | |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | | - | - | |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | 4.21 | | 36,682,830,332 | 21,812,870,223 | |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | | - | - | |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 323 | 4.22 | | 2,168,504,352 | 6,591,357,785 | |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | | - | - | |
| Nợ dài hạn | | 330 | | 195,791,588 | 2,186,838 | |
| Phải trả dài hạn người bán | 331 | | | - | - | |
| Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | | - | - | |
| Phải trả dài hạn khác | 333 | | | - | - | |
| Vay và nợ dài hạn | 334 | | | - | - | |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | | - | - | |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | | 195,791,588 | 2,186,838 | |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | | - | - | |
| Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | | - | - | |
| Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 339 | | | - | - | |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 400 | | 134,345,203,353 | 110,116,462,371 | |
| Vốn chủ sở hữu | | 410 | | 129,294,649,134 | 110,116,462,371 | |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | | 95,793,380,000 | 80,499,860,000 | |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | | 1,750,000,000 | 1,750,000,000 | |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | | - | - | |
| Cổ phiếu quỹ | 414 | | | - | - | |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | | - | - | |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | | - | - | |
| Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | | 6,640,455,193 | 3,584,768,973 | |
| Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | | - | - | |

| | | | |
|-----------------------------------|------------|------------------------|------------------------|
| | | 4,586,857,536 | 3,042,384,486 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | - | - |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | 20,523,956,405 | 21,239,448,912 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | - | - |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | - | - |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 5,050,554,219 | - |
| Nguồn kinh phí | 432 | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | 439 | 5,050,554,219 | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 417,630,335,348 | 353,844,192,516 |

| CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|---|-------------------|-------------------|
| Tài sản thuê ngoài | - | - |
| Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | - | - |
| Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi | - | - |
| Nợ khó đòi đã xử lý | - | - |
| Dollar Mỹ (USD) | 540.01 | 539.41 |





PHÙ CHÍ ANH
Kế toán trưởng

THÁI TRƯỜNG AN
Phó Tổng Giám đốc
 Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | Mã số | Thuyết minh | 2010 VND | 2009 VND |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 3,587,889,797,426 | 2,890,272,663,291 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 444,330,991 | 79,246,964 |
| Doanh thu thuần | 10 | 5.1 | 3,587,445,466,435 | 2,890,193,416,327 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 3,480,070,887,977 | 2,778,795,707,182 |
| Lợi nhuận gộp | 20 | | 107,374,578,458 | 111,397,709,145 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.3 | 6,314,904,519 | 3,654,517,892 |
| Chi phí tài chính | 22 | 5.4 | 4,150,729,313 | 1,806,373,785 |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | 23 | | 3,117,839,484 | 1,058,656,392 |
| Chi phí bán hàng | 24 | 5.5 | 66,878,068,397 | 69,490,534,109 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 5.6 | 13,250,665,475 | 13,798,430,470 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 29,410,019,792 | 29,956,888,673 |
| Thu nhập khác | 31 | 5.7 | 12,465,927,523 | 16,652,889,238 |
| Chi phí khác | 32 | 5.8 | 16,555,665 | 19,752,580 |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 12,449,371,858 | 16,633,136,658 |
| Lỗ trong công ty liên kết | 45 | 5.9 | (321,933,949) | - |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 41,537,457,701 | 46,590,025,331 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | | 10,049,245,129 | 11,613,946,740 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | (12,357,418) | (17,258,266) |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 31,500,569,990 | 34,993,336,857 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 544,252,579 | - |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 62 | | 30,956,317,411 | 34,993,336,857 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.10 | 3,232 | 3,792 |

PHÙ CHÍ ANH
Kế toán trưởng



THẠI TRƯƠNG AN
Phó Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

| | Mã số | Thu yết minh | 2010 VND | 2009 VND |
|---|-----------|--------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 41,537,457,701 | 46,590,025,331 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 5,454,744,200 | 4,120,019,795 |
| Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập) | 03 | | (6,806,604,677) | (6,483,048,483) |
| (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1,893,564,110) | (106,274,800) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 6.4 | 3,117,839,484 | 1,058,656,392 |
| Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 41,409,872,598 | 45,179,378,235 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | | (18,534,947,427) | 694,430,081 |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | | 16,002,390,650 | (69,997,764,733) |
| Tăng/ (giảm) các khoản phải trả | 11 | | 61,383,216,119 | 14,644,392,409 |
| (Tăng)/ giảm chi phí trả trước | 12 | | 157,513,996 | 747,011,988 |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (3,117,839,484) | (1,058,656,392) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (10,872,850,239) | (10,778,026,193) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 3,715,616,125 | 5,365,464,346 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | (14,235,004,614) | (5,276,790,766) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 75,907,967,724 | (20,480,561,025) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | (16,033,060,387) | (10,395,182,027) |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 22 | | 173,727,273 | - |
| Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (8,000,000,000) | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác | 24 | | 400,000,000 | 200,000,000 |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (17,838,192,280) | (16,692,243,798) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 2,645,333,767 | 6,000,000,000 |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1,893,564,110 | 106,274,800 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (36,758,627,517) | (20,781,151,025) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 5,250,000,000 |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu | 32 | | - | - |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | | 1,073,774,439,727 |

| | | | |
|---|-----------|-------------------------|-----------------------|
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | 1,163,182,631,750 | (1,027,863,428,995) |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (1,179,122,631,750) | (8,043,572,800) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (24,852,113,600) | 43,117,437,932 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ | 50 | 14,297,226,607 | 1,855,725,882 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ | 60 | 43,538,243,791 | 41,682,517,909 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ | 70 | 57,835,470,398 | 43,538,243,791 |




PHÙNG CHÍ ANH
Kế toán trưởng



THAI TRƯỜNG AN
Phó Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA 03 CÔNG TY (NHÓM CÔNG TY):

1.1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần và Công ty TNHH

1.2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại – dịch vụ

1.3. **Ngành nghề kinh doanh** :

- Xăng dầu(dầu, dầu nhờn), khí hóa lỏng;
- Hàng công nghệ thực phẩm,rượu, bia, thuốc lá điếu các loại , nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng;
- In ấn tài liệu học tập, ấn phẩm quảng cáo và các sản phẩm in ấn khác theo đơn hàng.

1.4. **Tổng số công ty con: 02 công ty.**

1.5. **Thông tin về công ty con được hợp nhất:**

| Tên Công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ | Quyền biểu quyết của công ty mẹ |
|---------------------------------------|---|------------------------------|---------------------------------|
| Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt | Số 102, đường Phan Đình Phùng, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. | 100% | 100% |
| Công ty Cổ phần In Bạc Liêu | Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu | 55% | 55% |

1.6. **Tổng số công ty liên kết** : 02 công ty

1.7. **Thông tin về công ty liên kết.**

| Tên Công ty | Địa chỉ | Tỷ lệ sở hữu | Quyền biểu quyết |
|---|--|--------------|------------------|
| Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Cà Mau | Số 26 – 28 Lê Lợi, phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | 41% | 41% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Cà Mau | Số 176 Phan Ngọc Hiền, phường 6, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau | 31% | 31% |

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được nhóm Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của nhóm Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Nhóm Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU:

3.1 Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con mà công ty mẹ nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp.

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu quyền kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư vào công ty con so với phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ vào chi phí trong thời hạn 3 năm.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng nhóm công ty, các giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu:

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

3.4 Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

3.5 Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

| LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH | THỜI GIAN (năm) |
|----------------------------------|-----------------|
| Tài sản cố định hữu hình: | |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 |
| Máy móc thiết bị | 3 – 10 |
| Phương tiện vận tải | 6 – 15 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 10 |
| Tài sản cố định vô hình: | |
| Quyền sử dụng đất có thời hạn | 20 – 50 |
| Phần mềm kế toán | 3 |

3.6 Xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.7 Các khoản đầu tư tài chính:

Đầu tư ngắn hạn:

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi không quá 12 tháng. Đầu tư ngắn hạn được trình bày theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn:

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết đối với công ty đó. Trong báo cáo tài chính hợp nhất này, khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, riêng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cà Mau được trình bày theo phương pháp giá gốc do khoản đầu tư này dự kiến sẽ được thanh lý trong tháng 3 năm 2011.

Đầu tư trái phiếu được trình bày theo giá gốc, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được hạch toán theo giá gốc.

Khoản đầu tư mua chứng khoán tại các tổ chức kinh tế niêm yết hoặc chưa niêm yết, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho các chứng khoán do doanh nghiệp đầu tư bị giảm giá so với giá đang hạch toán trên sổ sách kế toán tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản vốn đầu tư vào các tổ chức kinh tế bị tổn thất do các tổ chức kinh tế bị lỗ.

3.8 Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước được phân bổ theo đường thẳng.

3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

3.10 Chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm.

3.11 Doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.12 Lãi trên cổ phiếu:

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với cổ phiếu phổ thông, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty là các khoản lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sau khi được điều chỉnh bởi cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, những khoản chênh lệch phát sinh do thanh toán cổ phiếu ưu đãi và những tác động tương tự của cổ phiếu ưu đãi đã được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu.

3.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.14 Các bên có liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

| Công ty | Địa điểm | Quan hệ |
|---|----------|------------------|
| Công ty Cổ phần Sách Thiết Bị Cà Mau | Việt Nam | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cà Mau | Việt Nam | Công ty liên kết |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam-Công ty TNHH Một Thành Viên | Việt Nam | Nhà đầu tư |
| Công ty TNHH Một Thành Viên TMKT và Đầu tư Petec | Việt Nam | Nhà đầu tư |

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT:

4.1 Tiền:

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|--------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt tồn quỹ - VND | 23.518.055.602 | 14.928.688.269 |
| Tiền gửi ngân hàng - VND | 25.108.761.976 | 28.600.909.840 |
| Tiền gửi ngân hàng - USD | 8.652.820 | 8.645.682 |
| | 48.635.470.398 | 43.538.243.791 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 540,01USD tương đương 8.652.820 VND.

4.2 Các khoản tương đương tiền:

Đây là khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng, kỳ hạn không quá 1 (một) tháng.

4.3 Đầu tư ngắn hạn:

Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác số 09/HDKT ngày 1 tháng 3 năm 2010 và hợp đồng số 10/HDKT ngày 1 tháng 4 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau và Công ty Cổ phần Duyên Việt cùng hợp tác đầu tư sản xuất, phát hành các loại tập học sinh, và các sản phẩm văn hóa. Tổng giá trị hợp đồng là 32.920.000.000 VND, trong đó Công ty đầu tư với số tiền 12.216.842.199 VND.

4.4 Các khoản phải thu thương mại:

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu khách hàng /xăng dầu | 7.197.297.867 | 4.603.960.127 |
| Phải thu khách hàng /hàng Bách hóa | 41.344.122.283 | 28.574.224.033 |
| Phải thu khách hàng /hàng điện máy (trả góp) | 17.102.730.300 | 14.947.624.340 |
| Phải thu khách hàng /Vật liệu xây dựng | 2.828.135.287 | 3.349.227.554 |
| Khác | 2.199.396.193 | 460.266.270 |
| | 70.671.681.930 | 51.935.302.324 |

4.5 Trả trước cho người bán:

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước cho người bán/ xăng dầu | 5.010.250.000 | 214.702.571 |
| Trả trước cho người bán/ bách hóa | 3.108.546.147 | 1.934.745.285 |
| Trả trước cho người bán /mua tài sản | - | 855.257.763 |
| Khác | 435.396.829 | 30.000.000 |
| | 8.554.192.976 | 3.034.705.619 |

4.6 Các khoản phải thu khác:

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Chi hộ chi phí nhân viên tiếp thị | 221.547.777 | 450.125.717 |
| Giá trị hàng thiếu khi kiểm kê | 196.469.212 | 356.435.898 |
| Giá trị hàng gửi bảo hành | 171.647.422 | 119.804.800 |
| Lãi trái phiếu, cổ phiếu | - | 16.936.944 |
| Khác | 415.367.439 | 122.077.381 |
| | 1.005.031.850 | 1.065.380.740 |

4.7 Dự phòng phải thu khó đòi:

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Dự phòng phải thu/ hàng kim khí điện máy | (440.169.600) | (1.903.294.000) |
| Dự phòng phải thu/ hàng bách hóa | (1.075.875.867) | (1.470.747.074) |
| Dự phòng phải thu/ xăng dầu | (104.283.572) | (140.988.527) |
| Khác | (16.472.422) | (16.472.422) |
| | (1.636.801.461) | (3.531.502.023) |

4.8 Hàng tồn kho:

| | 31/12/2010 | 01/01/2010 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Hàng mua đang đi đường | 14.597.791.271 | 84.173.255.133 |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.874.593.097 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 159.318.394 | - |
| Hàng hóa | 144.548.982.444 | 96.009.820.723 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 164.180.685.206 | 180.183.075.856 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (123.919.752) | (5.104.068.867) |
| Giá trị thuần | 164.056.765.454 | 175.079.006.989 |

4.9 Tài sản ngắn hạn khác:

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 5.518.321.956 | 4.052.828.125 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 1.860.222.042 | 1.085.634.665 |
| Khác | 372.310.543 | 24.694.765 |
| | 7.750.854.541 | 5.163.157.555 |

4.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình:

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Thiết bị truyền dẫn VND | Dụng cụ quản lý VND | Tài sản khác VND | Cộng VND |
|------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2010 | 42.574.507.278 | 4.649.083.329 | 12.003.594.715 | 1.452.606.980 | 610.186.836 | 61.289.979.138 |
| Tăng trong năm | 4.084.065.159 | 1.394.708.818 | 4.481.777.083 | 111.288.600 | 61.000.000 | 10.132.839.660 |
| Tăng khác (*) | 3.025.459.325 | 17.547.967.183 | 735.384.195 | 53.404.029 | 521.938.024 | 21.884.152.756 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (48.000.000) | (312.000.000) | - | - | (360.000.000) |
| Vào ngày 31/12/2010 | 49.684.031.762 | 23.543.759.330 | 16.908.755.993 | 1.617.299.609 | 1.193.124.86 | 92.946.971.554 |
| G. trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2010 | 14.587.842.280 | 2.621.630.796 | 7.797.529.974 | 843.033.510 | 563.764.563 | 26.413.801.123 |
| Tăng khác (*) | 1.232.373.583 | 10.971.088.966 | 679.299.401 | 53.404.029 | 268.396.318 | 13.204.562.297 |
| Khấu hao trong năm | 2.351.231.794 | 1.208.514.060 | 1.237.633.526 | 315.958.302 | 93.891.510 | 5.207.229.192 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (48.000.000) | (299.000.000) | - | - | (347.000.000) |
| Vào ngày 31/12/2010 | 18.171.447.657 | 14.753.233.822 | 9.415.462.901 | 1.212.395.841 | 926.052.391 | 44.478.592.612 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Vào ngày 01/01/2010 | 27.986.664.998 | 2.027.452.533 | 4.206.064.741 | 609.573.470 | 46.422.273 | 34.876.178.015 |
| Vào ngày 31/12/2010 | 31.512.584.105 | 8.790.525.508 | 7.493.293.092 | 404.903.768 | 267.072.469 | 48.468.378.942 |

(*) Ghi tăng tài sản của công ty con (Công ty Cổ phần In Bạc Liêu) khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình:

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm kế toán VND | Cộng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Vào ngày 01/01/2010 | 27.072.043.835 | 849.221.480 | 27.921.265.315 |
| Tăng trong năm | 5.410.340.000 | - | 5.410.340.000 |
| Vào ngày 31/12/2010 | 32.482.383.835 | 849.221.480 | 33.331.605.315 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Vào ngày 01/01/2010 | 151.127.397 | 468.731.362 | 619.858.759 |

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm kế toán VND | Cộng VND |
|------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Khấu hao trong năm | 18.441.176 | 229.073.832 | 247.515.008 |
| Vào ngày 31/12/2010 | 169.568.573 | 697.805.194 | 867.373.767 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Vào ngày 01/01/2010 | 26.920.916.438 | 380.490.118 | 27.301.406.556 |
| Vào ngày 31/12/2010 | 32.312.815.262 | 151.416.286 | 32.464.231.548 |

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

| | Số đầu năm VND | Tăng trong năm VND | Kết chuyển TSCĐ trong năm VND | Số cuối năm VND |
|---|-------------------|-----------------------|--|----------------------|
| Cửa hàng Công Nghệ Thực phẩm Hộ Phòng | - | 509.006.000 | - | 509.006.000 |
| Trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau – Bạc Liêu (Giai đoạn 2) | - | 2.335.742.700 | - | 2.335.742.700 |
| Cửa hàng Công Nghệ Thực Phẩm Trà Kha | - | 315.595.455 | - | 315.595.455 |
| Cửa hàng Xăng Dầu Tác Thủ | - | 1.066.793.278 | - | 1.066.793.278 |
| | - | 4.227.137.433 | - | 4.227.137.433 |

4.13 Đầu tư vào công ty liên kết:

| | 31/12/2010 | | | 01/01/2010 | | |
|--------------------------------------|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | Số tiền VND | Tỷ lệ biểu quyết % | Số cổ phần Cổ phần | Số tiền VND | Tỷ lệ biểu quyết % | Số cổ phần Cổ phần |
| Công ty Cổ phần In Bạc Liêu | - | - | - | 4.749.850.000 | 39% | 28.700 |
| Công ty CP Sách Thiết Bị Cà Mau (*) | 2.959.706.051 | 41% | 16.40 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần ĐT và XD Cà Mau (**) | 4.843.379.280 | 31% | 28.86 | - | - | - |
| | 7.803.085.331 | | | 4.749.850.000 | | |

(*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Sách Thiết Bị Cà Mau, trụ sở hoạt động tại số 26 – 28 Lê Lợi, phường 2, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau. Vốn chủ sở hữu của Công ty đầu tư là 4.000.000.000 đồng. Ngành nghề hoạt động là kinh doanh sách giáo dục, thiết bị, vật tư giáo dục; kinh doanh văn phòng phẩm – văn hóa phẩm đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục thể thao. Khoản đầu tư này được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

(**) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Cà Mau trụ sở hoạt động tại số 176 Phan Ngọc Hiển, Phường 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau. Vốn chủ sở hữu của Công ty đầu tư là 9.035.600.000 đồng. Ngành nghề hoạt động là thi công các loại công trình dân dụng và công trình công nghiệp; thi công công trình cơ sở hạ tầng đô thị, các công trình thủy lợi,... Khoản đầu tư này được trình bày theo phương pháp giá gốc (xem thuyết minh mục 6.2).

4.14 Đầu tư dài hạn khác:

| | 31/12/2010 | | 01/01/2010 | |
|----------------------------------|----------------------|---------|----------------------|---------|
| | VND | Cổ phần | VND | Cổ phần |
| Công ty CP Sabeco Sông Hậu | 21.500.000 | 2.150 | 21.500.000 | 2.150 |
| Công ty CP Vật Tư Xăng Dầu Petec | 312.000.000 | 30.000 | 312.000.000 | 30.000 |
| Công ty CP Cà Phê Petec | 426.000.000 | 43.800 | 426.000.000 | 43.800 |
| Công ty CP Thương Mại Cần Thơ | 74.880.000 | 3.200 | 74.880.000 | 3.200 |
| Công ty CP Xi Măng Hà Tiên 2 | 553.706.200 | 21.100 | 553.706.200 | 21.100 |
| Công ty Cổ phần Kinh Đô | 200.000.000 | 1.500 | 200.000.000 | 1.500 |
| Trái phiếu chính phủ | - | 2.150 | 400.000.000 | 2.150 |
| | 1.588.086.200 | | 1.988.086.200 | |

4.15 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

| | Dự phòng giảm giá đầu tư năm 2009 VND | Trích lập/hoàn nhập dự phòng năm 2010 VND | Dự phòng giảm giá đầu tư tại ngày 31/12/2010 VND |
|-----------------------------------|--|--|---|
| Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 2 | (245.646.200) | (71.740.000) | (317.386.200) |
| Công ty Cổ phần Kinh Đô | (109.250.000) | 3.495.000 | (105.755.000) |
| | (354.896.200) | (68.245.000) | (423.141.200) |

4.16 Lợi thế thương mại:

Lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư vào Công ty Cổ phần In Bạc Liêu, chi tiết như sau:

| | 2010 VND |
|---|--------------------|
| Lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ | 252.136.855 |
| Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ | (42.022.809) |
| Lợi thế thương mại chưa phân bổ đến cuối kỳ | 210.114.046 |

4.17 Vay ngắn hạn:

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Vay ngân hàng Công Thương- CN Cà Mau-VND | - | 20.000.000.000 |
| Vay ngân hàng Ngoại Thương- CN Cà Mau-VND | 60.000.000.000 | 55.940.000.000 |
| | 60.000.000.000 | 75.940.000.000 |

4.18 Phải trả người bán:

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Phải trả người bán/ xăng dầu | 119.920.882.012 | 83.415.946.852 |
| Phải trả người bán/ bách hóa | 25.466.117.901 | 20.117.667.164 |
| Khác | 18.876.253.676 | 11.894.080.426 |
| | 164.263.253.589 | 115.427.694.442 |

4.19 Người mua trả tiền trước:

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Người mua trả tiền trước/ xăng dầu | 108.095.369 | 3.810.863.956 |
| Người mua trả tiền trước/ bách hóa | 187.300.000 | 1.885.222 |
| Người mua trả tiền trước/ dịch vụ in ấn | 2.964.029.764 | 149.777.923 |
| | 3.259.425.133 | 3.962.527.101 |

4.20 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 14.125.718 | 1.874.652.269 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 6.015.186.611 | 6.563.671.101 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 260.535.301 | 184.177.967 |
| Các loại thuế khác | 14.404.400 | - |
| | 6.304.252.030 | 8.622.501.337 |

4.21 Các khoản phải trả, phải nộp khác:

| | 31/12/2010 VND | 01/01/2010 VND |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả Sở Tài chính Cà Mau | 18.551.424.716 | 9.711.546.417 |
| Phải trả Sở Tài chính Bạc Liêu | 8.000.000.000 | - |
| Lãi bán hàng trả góp | 3.757.727.104 | 5.208.230.921 |
| Cổ tức phải trả cho cổ đông | 4.510.183.244 | 4.104.183.200 |
| Phải trả về cổ phần hóa | 209.010.269 | 204.905.269 |
| Tài sản thừa chờ giải quyết | 267.017.222 | 392.678.282 |
| Kinh phí công đoàn | 702.288.739 | 669.843.840 |
| Quỹ Công Đoàn | 144.358.746 | 530.916.515 |
| Khác | 540.820.292 | 990.565.779 |
| | 36.682.830.332 | 21.812.870.223 |

4.22 Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

| | 2010 VND | 2009 VND |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 6.591.357.785 | 4.422.340.855 |
| Tăng trong năm | 3.726.691.248 | 4.792.007.636 |
| Chi trong năm | (8.149.544.680) | (2.622.990.706) |
| Số dư cuối năm | 2.168.504.353 | 6.591.357.785 |

4.23 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|-------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước (01/01/2009) | 70.000.000.000 | - | 1.361.488.902 | 2.722.977.805 | 7.495.166.443 | 81.579.633.150 |
| Tăng vốn trong năm | 10.499.860.000 | 1.750.000.000 | - | (2.500.000.000) | (4.499.860.000) | 5.250.000.000 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 34.993.336.857 | 34.993.336.857 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 1.680.895.584 | 3.361.791.168 | (5.042.686.752) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, | - | - | - | - | (4.706.507.636) | (4.706.507.636) |

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|---|------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|------------------------|
| phúc lợi | | | | | | |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (7.000.000.000) | (7.000.000.000) |
| Số dư cuối năm trước (31/12/2009) | 80.499.860.000 | 1.750.000.000 | 3.042.384.486 | 3.584.768.973 | 21.239.448.912 | 110.116.462.371 |
| Số dư đầu năm nay (01/01/2010) | 80.499.860.000 | 1.750.000.000 | 3.042.384.486 | 3.584.768.973 | 21.239.448.912 | 110.116.462.371 |
| Tăng vốn/ do chia cổ tức bằng cổ phiếu | 15.293.520.000 | | | | (15.294.973.400) | (1.453.400) |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | 30.956.317.411 | 30.956.317.411 |
| Trích lập các quỹ | - | - | 1.544.473.050 | 3.055.686.220 | (4.600.159.270) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (3.726.691.248) | (3.726.691.248) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (8.049.986.000) | (8.049.986.000) |
| Số dư cuối năm nay (31/12/2010) | 95.793.380.000 | 1.750.000.000 | 4.586.857.536 | 6.640.455.193 | 20.523.956.405 | 129.294.649.134 |

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Doanh thu:

| | 2010 VND | 2009 VND |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu | | |
| Doanh thu xăng dầu | 1.799.600.967.150 | 1.502.565.752.489 |
| Doanh thu hàng bách hóa | 1.419.023.878.758 | 1.077.941.026.857 |
| Doanh thu hàng hóa khác | 369.264.951.518 | 309.765.883.945 |
| | 3.587.889.797.426 | 2.890.272.663.291 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Hàng bán bị trả lại | (444.330.991) | (79.246.964) |
| Doanh thu thuần | 3.587.445.466.435 | 2.890.193.416.327 |

5.2 Giá vốn hàng bán:

| | 2010 VND | 2009 VND |
|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn xăng dầu | 1.773.625.528.380 | 1.469.248.812.876 |
| Giá vốn hàng bách hóa | 1.369.259.610.637 | 1.035.073.195.532 |
| Giá vốn hàng hóa khác | 337.185.748.960 | 274.473.698.774 |
| | 3.480.070.887.977 | 2.778.795.707.182 |

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

| | 2010 VND | 2009 VND |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 606.045.531 | 430.582.049 |
| Lãi bán hàng trả chậm, trả góp | 1.788.339.500 | 1.900.447.800 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 1.893.564.110 | 106.274.800 |
| Chiết khấu thanh toán được hưởng | 308.133.130 | 332.983.532 |
| Lãi hoạt động tài chính khác | 1.718.822.248 | 884.229.711 |
| | 6.314.904.519 | 3.654.517.892 |

5.4 Chi phí tài chính:

| | 2010 VND | 2009 VND |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay ngân hàng | 3.117.839.484 | 1.058.656.392 |
| Chiết khấu thanh toán | 39.148.100 | 15.574.800 |
| Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư | 68.245.000 | (124.102.000) |
| Chi phí tài chính khác | 925.496.729 | 856.244.593 |
| | 4.150.729.313 | 1.806.373.785 |

5.5 Chi phí bán hàng:

| | 2010 VND | 2009 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên | 29.682.132.914 | 25.188.557.087 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 913.067.185 | 610.585.592 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 1.668.496.310 | 1.148.534.646 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 4.474.146.348 | 4.004.919.165 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 28.973.236.064 | 20.406.239.744 |
| Chi phí bằng tiền khác | 1.166.989.576 | 18.131.697.875 |
| | 66.878.068.397 | 69.490.534.109 |

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp:

| | 2010 VND | 2009 VND |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 9.648.918.407 | 11.296.846.303 |
| Đồ dùng văn phòng | 496.093.628 | 434.569.253 |
| Khấu hao tài sản cố định | 130.016.955 | 115.100.630 |
| Thuế, phí, lệ phí | 683.670.210 | 430.715.950 |
| Hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi | (1.894.700.562) | (1.040.435.682) |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 42.022.809 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.673.735.360 | 1.422.968.307 |
| Chi phí bằng tiền khác | 470.908.668 | 1.138.665.709 |
| | 13.250.665.475 | 13.798.430.470 |

5.7 Thu nhập khác:

| | 2010 VND | 2009 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Thu các khoản thưởng, chiết khấu, hỗ trợ bán hàng | 11.444.937.654 | 13.989.833.599 |
| Thu nhập từ hàng khuyến mãi của nhà phân phối | 138.314.104 | 2.337.737.002 |
| Thanh lý tài sản cố định | 173.727.273 | - |
| Các khoản thu nhập khác | 708.948.492 | 325.318.637 |
| | 12.465.927.523 | 16.652.889.238 |

5.8 Chi phí khác:

| | 2010 VND | 2009 VND |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Thanh lý TSCĐ | 13.000.000 | - |
| Các khoản chi phí khác | 3.555.665 | 19.752.580 |
| | 16.555.665 | 19.752.580 |

5.9 Lỗ trong công ty liên kết:

Khoản lỗ trong công ty liên doanh liên kết khi trình bày khoản đầu tư vào Công ty Sách Thiết bị Cà Mau theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

5.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

| | 2010 | 2009 |
|---|----------------|----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 30.956.317.411 | 34.993.336.857 |
| Lợi nhuận phân bổ cổ đông sở hữu CP phổ thông | 30.956.317.411 | 34.993.336.857 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 9.579.338 | 9.229.338 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) | 3.232 | 3.792 |

Trong năm 2009, công ty đã tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 VND lên 80.499.860.000 VND, trong đó tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối và từ quỹ đầu tư phát triển là 6.999.860.000 VND.

Trong năm 2010, công ty đã tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối là 15.293.520.000 VND, nâng vốn điều lệ từ 80.499.860.000 VND lên 95.793.380.000 VND.

Vì vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2009 đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2009 giảm từ 4.999 VND xuống còn 3.792 VND.

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC :

6.1. Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan:

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các bên có liên quan như sau :

| <u>Công ty liên quan</u> | <u>Nội dung nghiệp vụ</u> | <u>VND</u> |
|--|---------------------------|-----------------|
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam-Công ty TNHH MTV | Mua hàng | 562.023.222.893 |
| Công ty TNHH MTV TM KT và Đầu Tư Petec | Mua hàng | 829.308.086.641 |
| | Thu cước vận chuyển | 8.938.827.121 |
| | Thu tiền thuê kho | 1.156.789.392 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

| <u>Công ty liên quan</u> | <u>Nội dung</u> | <u>Phải thu/ (Phải trả) VND</u> |
|--|--------------------|-------------------------------------|
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam-Công ty TNHH MTV | Phải trả tiền hàng | (29.998.600.000) |
| Công ty TNHH MTV TM KT và Đầu Tư Petec | Phải trả tiền hàng | (43.194.657.395) |
| | Phải trả cổ tức | (804.294.000) |

6.2. Chuyển nhượng cổ phần:

Theo biên bản họp số 208/BB-DVN ngày 07 tháng 12 năm 2010 giữa đại diện Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau, đại diện SCIC và đại diện PV OIL, tỷ lệ vốn Nhà nước tại Công ty là 38,26%/ vốn điều lệ được các bên thống nhất phương án:

Chuyển nhượng cho cán bộ công nhân viên của Công ty 957.933 cổ phần (tương đương 10% vốn điều lệ).

Chuyển nhượng cho PV OIL 2.707.267 cổ phần (tương đương 28,26% vốn điều lệ)

Đến ngày phát hành báo cáo này phương án này vẫn chưa được thực hiện.

Theo biên bản ghi nhớ ngày 05/03/2011 Công ty đồng ý chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Cà Mau cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Cà Mau, giá trị chuyển nhượng là 175.500 đồng / cổ phần với tổng giá trị là 5.065.632.000 đồng , giá trị này chưa có cổ tức năm 2010, thời gian thực hiện chuyển nhượng trong tháng 3/2011.

6.3. Thông tin so sánh:

Trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số chỉ tiêu đã được phân loại trình bày lại theo hướng dẫn tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009, cụ thể như sau :

| Chỉ tiêu | Mã số | Phân loại lại VND | Đã trình bày trên BCTC năm trước VND |
|-------------------------------|------------|------------------------|--------------------------------------|
| Bảng cân đối kế toán | | | |
| Nợ phải trả | 300 | 243.727.730.145 | 237.136.372.360 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | 6.591.357.785 | - |
| Vốn chủ sở hữu | 400 | 110.116.462.371 | 116.707.820.156 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | - | 1.704.034.407 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 431 | - | 4.887.323.378 |



PHÙ CHÍ ANH
Kế toán trưởng



THAI TRƯỜNG AN
Phó Tổng Giám đốc

Cà Mau, ngày 26 tháng 3 năm 2011